

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả thực hiện năm 2022; mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu năm 2023 về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2022

I. BỐI CẢNH

Năm 2022, tình hình thế giới, khu vực có nhiều biến động rất nhanh, phức tạp, khó lường. Đặc biệt, các diễn biến liên quan đến cuộc xung đột quân sự Nga – Ucraina; tình hình dịch bệnh phức tạp tại một số quốc gia, trong đó bao gồm các nền kinh tế lớn là đối tác thương mại, đầu tư quan trọng của Việt Nam. Lạm phát toàn cầu cao, cùng chính sách tiền tệ thắt chặt, tăng lãi suất kéo dài và suy giảm giá trị đồng tiền tại nhiều quốc gia, khu vực, càng làm trầm trọng hơn và tác động mạnh, trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh, lao động, việc làm trong nhiều ngành, lĩnh vực. Nguy cơ mất thanh khoản, rủi ro, bất ổn về tài chính, tiền tệ, nợ công, an ninh năng lượng, lương thực trên toàn cầu gia tăng; thiên tai, lũ lụt, hạn hán kéo dài trên diện rộng tại nhiều khu vực gây nhiều thiệt hại¹.

Trong nước, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, tạo đà hoàn thành mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2022 và giai đoạn 2021-2025; mặc dù tình hình thế giới và trong nước biến động, song Việt Nam dự kiến đạt và vượt 13/15 chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2022 được Quốc hội giao. Trong đó, tăng trưởng đạt 8,02%, cao nhất trong 15 năm qua; lạm phát vẫn được kiểm soát dưới mục tiêu 4%; kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 732 tỷ USD; số doanh nghiệp quay lại hoạt động gấp 1,5 lần số doanh nghiệp rút khỏi thị trường. Hoạt động sản xuất, kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt so với cùng kỳ năm trước. Nhiều ngành đã khôi phục mạnh mẽ và đạt mức tăng trưởng cao hơn so với thời điểm trước khi dịch Covid-19 xảy ra như: Công nghiệp chế biến, chế tạo; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; xuất khẩu hàng hóa... Những khởi sắc về kinh tế - xã hội đã tác động mạnh đến thị trường lao động Việt Nam trong thời gian qua, tạo ra nhiều việc làm và thu nhập cho người dân.

Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội năm 2022², Bộ LĐTBXH đã ban hành Kế hoạch

¹ Như tại Trung Quốc, EU và Mỹ.

² Nghị quyết số 32/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình,

hành động³ thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ với phương châm hành động là “**Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, phát triển**” và 5 trọng tâm chỉ đạo, điều hành⁴. Trong Kế hoạch hành động, Bộ LĐTBXH đã cụ thể hóa các mục tiêu về lao động, người có công và xã hội được Quốc hội giao tại Nghị quyết số 32/2021/QH15 thành 19 chỉ tiêu, 15 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu và 73 nhiệm vụ cụ thể giao các đơn vị thuộc Bộ, Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện. Tổ chức Hội nghị trực tuyến với các địa phương để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, giám sát của Quốc hội, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; với sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, toàn ngành đã đạt được những kết quả quan trọng.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐƯỢC GIAO TRONG CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

Trên cơ sở tổng hợp tình hình thực hiện tháng 12 và cả năm 2022, ước thực hiện các chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao như sau:

- Có 03/03 chỉ tiêu được Quốc hội giao tại Nghị quyết số 32/2021/QH15⁵ đạt mục tiêu đề ra: (i) Tỷ lệ thất nghiệp của lao động khu vực thành thị dưới 2,79%; (ii) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 67% và (iii) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm khoảng 1,2%.

- Có 03/03 chỉ tiêu Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ⁶ đạt và vượt mục tiêu đề ra: (i) Đưa trên 142 nghìn người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đạt 158% kế hoạch; (ii) Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt khoảng 38% và (iii) Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt khoảng 31,1%.

Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình phòng, chống dịch COVID-19, sự chỉ đạo, điều hành sát sao, quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

³ Quyết định số 18/QĐ-LĐTBXH ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

⁴ (1) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách mạnh mẽ thể chế, thủ tục hành chính trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại, khả thi và hội nhập quốc tế; tạo khung khổ pháp lý đồng bộ, thống nhất và thông thoáng; (2) Khôi phục, ổn định và phát triển thị trường lao động; hỗ trợ giải quyết việc làm, thu hút lao động quay trở lại làm việc; đảm bảo nguồn cung lao động cho phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội bền vững; cơ cấu lại lực lượng lao động phù hợp với Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế; (3) Nâng cao nguồn nhân lực có kỹ năng nghề, phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả và hội nhập; tập trung đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động ở những địa bàn, khu vực kinh tế trọng điểm để phục vụ cho phục hồi sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bảo đảm thích ứng với điều kiện sản xuất mới; (4) Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, các chính sách giảm nghèo; tập trung hỗ trợ các nhóm nghèo nhất, vùng nghèo nhất, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, miền; (5) Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số nhằm đáp ứng tốt hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ của ngành; tạo điều kiện dễ dàng cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận nhanh nhất, thụ hưởng đầy đủ chính sách và thực hiện đúng quy định của pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

⁵ Chỉ tiêu được giao: Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 67%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ khoảng 27-27,5%; Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) giảm 1-1,5%.

⁶ Chỉ tiêu được giao: Số lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng khoảng 90 nghìn người; Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt khoảng 37,5-38%; Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt khoảng 31%.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2022

1. Về thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch COVID-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tập trung ưu tiên triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 và Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội với phương châm “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh, coi đây là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của các cấp, các ngành ngay từ đầu năm 2022”, Bộ LĐTBXH đã quyết liệt thực hiện các giải pháp hỗ trợ nhằm bảo đảm an sinh xã hội và đời sống người dân; trong đó, các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 được tiếp tục thực hiện kịp thời, hiệu quả. Trong 03 năm (từ năm 2020 đến hết năm 2022), thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, ngân sách nhà nước đã hỗ trợ cho trên 68,43 triệu lượt người lao động, người dân và trên 1,41 triệu lượt người sử dụng lao động với tổng kinh phí gần 104,5 nghìn tỷ đồng thông qua hình thức chi trả bằng tiền mặt hoặc qua các chính sách trực tiếp và gián tiếp. Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát việc chi trả, hỗ trợ cho các đối tượng để kịp thời chấn chỉnh, ngăn ngừa những sai phạm⁷, bảo đảm kinh phí hỗ trợ được chuyển kịp thời đến đúng đối tượng thụ hưởng. Kết quả cụ thể như sau:

1.1. Về kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động từ năm 2021

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP (sửa đổi tại Nghị quyết số 126/NQ-CP) và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg (sửa đổi tại Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg), toàn quốc có 36.434.5932 lượt người lao động, người dân, 394.440 lượt người sử dụng lao động và 508.127 hộ kinh doanh được hỗ trợ với tổng kinh phí là 45.665,2 tỷ đồng.

Thực hiện chính sách theo các Nghị quyết số 03/2021/UBTVQH15 ngày 24/9/2021, Nghị quyết số 24/2022/UBTVQH15 ngày 11/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đã có 346.664 đơn vị sử dụng lao động được giảm đóng bảo hiểm thất nghiệp, tương ứng với 11.983.290 người lao động và với số tiền được điều chỉnh giảm đóng bảo hiểm thất nghiệp (từ tháng 10/2021 đến hết tháng 9/2022) hơn 9.210 tỷ đồng; đến nay, đã thực hiện chi trả hỗ trợ cho 13.334.207 lao động thuộc đối tượng hỗ trợ với tổng số tiền chi trả hơn 31.836 tỷ đồng⁸. Tổng số tiền hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động là hơn 41.046 tỷ đồng.

⁷ Bộ đã tiến hành kiểm tra 69 cuộc thanh tra tại 69 tổ chức (09 Ủy ban nhân dân tỉnh, 60 đơn vị sử dụng lao động), ban hành 69 kết luận thanh tra, phát hiện 163 thiếu sót, sai phạm, 18 quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

⁸ Có 33.470 người đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp tự nguyện không nhận hỗ trợ.

1.2. Về thực hiện Nghị quyết 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

Ngay sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 43/2022/QH15, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình, Bộ LĐTĐ đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng chỉ đạo của Chính phủ và các hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tập trung xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 quy định việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động; phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan đánh giá tổng thể chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 và hoàn thiện thủ tục đầu tư đối với các dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng và hiện đại hóa các cơ sở trợ giúp xã hội, đào tạo, dạy nghề và giải quyết việc làm.

Triển khai thực hiện Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, theo báo cáo của 60 tỉnh, thành phố có đối tượng⁹, đến nay đã hỗ trợ cho 5.272.688 lượt người lao động với kinh phí trên 3.744,1 tỷ đồng; trong đó: (i) Hỗ trợ người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp hơn 3.215,9 tỷ đồng; hỗ trợ người lao động quay trở lại thị trường lao động hơn 528,2 tỷ đồng.

Nhìn chung, chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động đã đúng trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo các nguyên tắc quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ, bao phủ được hầu hết người lao động có quan hệ lao động đang ở thuê, ở trọ ở khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực kinh tế trọng điểm (số đối tượng được hỗ trợ bằng 71,8% số dự kiến ban đầu¹⁰), qua đó góp phần phục hồi nhanh thị trường lao động, không để xảy ra tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng lao động. Công tác tổ chức thực hiện nhanh chóng, quyết liệt; hầu hết các tỉnh đã hoàn thành ngay trong tháng 8/2022 (thời gian thực hiện chính sách 5 tháng); các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể đều phối hợp, tham gia ngay từ ban đầu để hỗ trợ cho doanh nghiệp và người lao động tiếp cận được chính sách hỗ trợ của Nhà nước, cũng như phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Nhiều tỉnh, thành phố đã chủ động trong việc triển khai thực hiện, tạm ứng kinh phí từ các nguồn ngân sách của địa phương để kịp thời chi trả hỗ trợ cho người lao động và hoàn thành giải ngân trước thời hạn. Bên cạnh đó, 02 tỉnh Tuyên Quang, Ninh Bình dùng nguồn ngân sách địa phương để mở rộng thêm đối tượng được hỗ trợ. Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp đã có chính sách riêng để hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động, có khu nhà ở miễn phí cho người lao động...

⁹ Trừ 03 tỉnh là Cao Bằng, Lai Châu, Điện Biên không có đối tượng hỗ trợ.

¹⁰ Tổng số lao động dự kiến hỗ trợ là 3,4 triệu người với kinh phí 6.600 triệu đồng (Tờ trình số 12/TTr-LĐTĐ ngày 17/3/2022 và công văn số 919/LĐTĐ-VL ngày 27/3/2022 của Bộ LĐTĐ).

2. Về nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và gắn với thực thi nghiêm pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội

Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Theo chương trình công tác năm 2022, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 14 đề án, bao gồm: 07 đề án văn bản quy phạm pháp luật (01 hồ sơ đề nghị xây dựng luật, 04 Nghị định và 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và 07 đề án khác (01 chỉ thị, 03 quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 03 báo cáo).

Đến nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã trình 10 đề án, bao gồm: 01 hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Việc làm (sửa đổi)¹¹, 04 Nghị định (Chính phủ đã ban hành 03 nghị định¹² và đã trình Chính phủ để ban hành 01 Nghị định¹³), 03 quyết định (Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 03 quyết định¹⁴), 02 báo cáo¹⁵ và xin rút khỏi Chương trình công tác 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 01 Nghị định và 01 Chỉ thị¹⁶. Bộ LĐTBXH cũng đã tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020, các nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng các vùng; ban hành theo thẩm quyền 20 thông tư.

Công tác kiểm tra quy phạm pháp luật cũng được tập trung thực hiện kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm; trong năm đã tiến hành tự kiểm tra, kiểm tra chuyên đề đối với 20 văn bản quy phạm pháp luật và kiểm tra theo thẩm quyền đối với 15 văn bản quy phạm pháp luật; về cơ bản các văn bản được ban hành đều có căn cứ pháp lý, đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, kỹ thuật soạn thảo văn bản, nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật song một số văn bản vẫn còn những sai sót về kỹ thuật đã được kịp thời xử lý. Công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành được thực hiện quyết liệt và có phương án xử lý kịp thời, đúng pháp luật; đã phát hiện 73 văn bản quy phạm pháp luật có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp hoặc hết hiệu lực và đã xử lý, kiến nghị xử lý theo thẩm quyền đối với 100% số văn bản sau rà soát cần xử lý. Công tác theo dõi thi hành pháp luật của ngành được thực hiện thường xuyên, chặt chẽ.

¹¹ Tờ trình Chính phủ số 84/TTr-LĐTBXH ngày 12/12/2022 về đề nghị xây dựng Luật Việc làm (sửa đổi)

¹² Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 (Nghị định này không có trong Chương trình công tác); Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022; Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022.

¹³ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30/3/2018 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động

¹⁴ Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 02/6/2022; Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022; Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022.

¹⁵ Báo cáo số 319/BC-CP, Báo cáo số 320/BC-CP ngày 13/9/2022; Báo cáo số 275/BC-CP ngày 15/8/2022

¹⁶ Quyết định của Thủ tướng chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và kỹ năng nghề thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; Nghị định điều chỉnh mức trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng; Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường công tác chăm sóc người có công với cách mạng, thiết thực kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh - liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2022).

Nhìn chung, chính sách, pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội ngày càng hoàn thiện, từng bước tạo lập khuôn khổ pháp lý minh bạch, bình đẳng, bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, doanh nghiệp, người cao tuổi, trẻ em, người có công với cách mạng, tạo sự công bằng xã hội, hỗ trợ đối tượng yếu thế ổn định cuộc sống, góp phần tạo điều kiện thúc đẩy đầu tư, sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội.

3. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu

3.1. Về lao động - việc làm

a) Thị trường lao động phục hồi tương đối nhanh với mức tăng khá cả trong lực lượng lao động và việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực, chất lượng việc làm được cải thiện.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ tại Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 14/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đảm bảo việc làm bền vững, nâng cao mức sống, cải thiện điều kiện làm việc của công nhân lao động, Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030, Chương trình phục hồi và phát triển thị trường lao động, trong đó tập trung cho các hoạt động hỗ trợ, thu hút người lao động quay trở lại nơi làm việc, cho vay giải quyết việc làm. Tăng cường hợp tác với Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và các tổ chức quốc tế khác về lĩnh vực lao động, việc làm. Tổ chức Hội nghị về phát triển thị trường lao động vào ngày 20/8/2022 với chủ đề: “Hội nghị phát triển thị trường lao động, linh hoạt, hiện đại, bền vững và hội nhập”. Thực hiện các giải pháp để phục hồi thị trường lao động như tập trung đảm bảo an sinh xã hội cơ bản cho người lao động; cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo kỹ năng cho người lao động để đáp ứng chuyển đổi số; phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, tăng cường kết nối cung – cầu lao động để sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực; chỉ đạo các địa phương theo dõi chặt chẽ, nắm tình hình lao động, nhất là trong các khu công nghiệp, khu chế xuất để kịp thời có phương án hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng lao động; tổ chức các sàn giao dịch việc làm, các phiên giao dịch việc làm, hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động nhằm khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động cục bộ xảy ra ở một số ngành, địa phương sau khi dịch COVID-19 được kiểm soát.

Thị trường lao động phục hồi tích cực, cơ bản các khu công nghiệp, khu chế xuất, các vùng kinh tế trọng điểm đã duy trì được lực lượng lao động ổn định. Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của Tổng cục Thống kê, tính chung năm 2022, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 51,7 triệu người, tăng 1,1 triệu người so với năm trước; tỷ lệ tham gia lực lượng lao động năm 2022 ước đạt 68,5%, tăng 0,7 điểm phần trăm so với năm trước. Lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm năm 2022 là 50,6 triệu người, tăng 1,5 triệu người so với năm 2021, bao gồm 13,9 triệu người đang làm việc ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, giảm 2,5% so với năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng là 17 triệu người, tăng 4,5%; khu vực dịch vụ là 19,7 triệu người, tăng 6,1%. Thu nhập bình quân tháng của lao động làm công hưởng lương ước tính là 7,5 triệu đồng/tháng, tăng 992 nghìn đồng

so với năm trước. Công tác giải quyết việc làm gắn với nâng cao thu nhập cho người lao động luôn được chính quyền các địa phương quan tâm thực hiện, lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội và đã mang lại hiệu quả tích cực. Tăng cường hoạt động hỗ trợ vay vốn tạo việc làm từ quỹ quốc gia về việc làm¹⁷.

Tuy nhiên, từ đầu quý IV đến nay, một số ngành, lĩnh vực xuất hiện những khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, duy trì việc làm cho người lao động, nhất là doanh nghiệp trong lĩnh vực dệt may, da giày, chế biến gỗ... đã gặp khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, bị cắt giảm đơn hàng, dẫn đến phải cắt giảm việc làm gây ảnh hưởng tới đời sống của người lao động. Theo báo cáo của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, có 528 doanh nghiệp bị cắt giảm đơn hàng (chiếm khoảng 0,06% tổng số doanh nghiệp), phải cắt giảm việc làm¹⁸; tổng số lao động bị ảnh hưởng việc làm trong các doanh nghiệp là 637.491 người (khoảng 4% tổng số lao động trong doanh nghiệp)¹⁹. Trước những khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, cắt giảm việc làm của người lao động, các doanh nghiệp đã nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo đảm việc làm, thu nhập cho người lao động, cố gắng hạn chế thấp nhất việc sa thải lao động; có phương án sắp xếp, bố trí lại lao động, giãn việc, giảm giờ làm hoặc thực hiện phương án sử dụng lao động và giải quyết chế độ đối với người lao động theo quy định; các cơ quan lao động địa phương đã chủ động thực hiện các giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp và người lao động, chủ động nắm bắt tình hình, nhất là trên các địa bàn trọng điểm để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực thi các chính sách của doanh nghiệp đối với người lao động; hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp phải cắt giảm việc làm xây dựng phương án sử dụng lao động và kiểm tra, giám sát việc giải quyết chế độ chính sách cho người lao động đúng quy định; chỉ đạo hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm tăng cường cung cấp thông tin, giới thiệu việc làm cho người lao động, nhất là đối với những người mất việc làm; phối hợp với tổ chức công đoàn hỗ trợ các bên đối thoại, chia sẻ khó khăn; kịp thời giải quyết các tranh chấp lao động, đình công phát sinh, không để xảy ra tình trạng mất an ninh, trật tự.

Để kịp thời ổn định tình hình, Bộ LĐTBXH đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện số 1170/CD-TTg ngày 16/12/2022 về các biện pháp ổn định, phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, bền vững và chăm lo đời sống người lao động; phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập đoàn công tác đi kiểm tra, nắm bắt tình hình thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW và Công điện số 1170/CD-TTg ngày 16/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ tại 06 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Vĩnh Phúc,

¹⁷ 6 tháng đầu năm 2022, doanh số cho vay đạt trên 13 nghìn tỷ đồng; góp phần hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho gần 600 nghìn người lao động, gồm có lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật...

¹⁸ Trong đó: (i) 65,3% doanh nghiệp FDI, còn lại là dân doanh; (ii) 60% doanh nghiệp ở các tỉnh miền Nam; 24% doanh nghiệp ở các tỉnh miền Bắc; 16% doanh nghiệp ở các tỉnh miền Trung; (iii) Tập trung ở các ngành nghề: dệt may; da giày; chế biến gỗ; cơ khí công nghiệp phụ trợ...

¹⁹ (i) Số bị mất việc là 53.674 người, chiếm 8,4%; (ii) Số phải giảm giờ làm trên 359.087 người, chiếm 56,3%, trong đó chủ yếu là làm thêm giờ và giảm giờ làm bình thường; (iii) Số phải tạm ngừng việc có trả lương là 22.679 người, chiếm 4%; (iv) Số tạm hoãn hợp đồng lao động là 35.081 người, chiếm 5,5 %; (v) Số còn lại, doanh nghiệp sắp xếp theo một số hình thức khác (nghỉ phép năm, kéo dài thời gian nghỉ Tết...).

Hung Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Tây Ninh); chỉ đạo các địa phương rà soát, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực theo các ngành, lĩnh vực. Qua khảo sát, nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp khác vẫn cao, doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề vẫn đang đẩy mạnh hoạt động tuyển dụng, đây là cơ hội việc làm cho người lao động ở những tháng cuối năm²⁰.

Tính chung cả năm, tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,32%, trong đó khu vực thành thị là 2,79%, khu vực nông thôn là 2,03%; tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi ước tính là 2,21%, trong đó tỷ lệ thiếu việc làm khu vực thành thị là 1,7%, tỷ lệ thiếu việc làm khu vực nông thôn là 2,51%, khu vực nông thôn là 2,03%²¹; tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt khoảng 67%.

- Hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài phục hồi tích cực sau khi tình hình bệnh dịch Covid-19 được kiểm soát, các nước dần khôi phục lại việc tiếp nhận lao động nước ngoài. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã kịp thời chỉ đạo cơ quan chuyên môn kịp thời nắm bắt các chính sách, quy định mới về tiếp nhận lao động, thủ tục xét nghiệm, cách ly đối với người lao động mới sang làm việc; hướng dẫn doanh nghiệp trong các khâu tuyển chọn, đào tạo, tổ chức đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, phù hợp với diễn biến dịch bệnh và các quy định về phòng, chống dịch Covid-19 của nước sở tại. Thúc đẩy đàm phán với các nước tiếp nhận lao động để ký kết Thỏa thuận, biên bản ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực lao động²². Tăng cường công tác tạo nguồn, đào tạo và triển khai đồng bộ các chính sách, hoạt động hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; quản lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động ở nước ngoài và thúc đẩy hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động hết hạn hợp đồng về nước, nhằm phát huy tay nghề, kinh nghiệm của người lao động phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, góp phần nâng cao chất lượng nguồn lao động.

Trong năm 2022, cả nước đã đưa 142.779 lao động đi làm việc ở nước ngoài (trong đó có 48.835 lao động nữ)²³, vượt mục tiêu đề ra.

b) Tiếp tục thực hiện đồng bộ các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương, quan hệ lao động; tăng cường quản lý nhà nước về an toàn lao động và quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội; Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 26/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện đồng bộ các nhóm

²⁰ Tỉnh An Giang: nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp trong ba tháng tới khoảng 5.426 lao động; Thành phố Hồ Chí Minh: nhu cầu tuyển dụng lao động cuối năm khoảng 43.000 người...

²¹ Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2022 của Tổng cục Thống kê.

²² Như Malaysia, Australia, C.H Liên Bang Đức, Israel và các tỉnh Kanagawa và Miyagi của Nhật Bản.

²³ Số lao động đi làm việc tại một số thị trường chủ yếu: Nhật Bản là 67.295 (29.741 lao động nữ), Đài Loan là 58.598 lao động (17.689 lao động nữ), Hàn Quốc là 9.968 lao động (454 lao động nữ), Singapore là 1.822 lao động (2 lao động nữ), Trung Quốc là 910 lao động nam, Hungari 775 lao động (325 lao động nữ), Romani là 721 lao động (155 lao động nữ), Ba Lan là 494 lao động (86 lao động nữ), còn lại là các thị trường khác.

giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) và Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH. Tập trung xây dựng Hồ sơ Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi); triển khai công tác khảo sát, đo lường và đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia BHXH năm 2022. Năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thực hiện chính sách BHXH được nâng cao²⁴.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phát triển đối tượng tham gia BHXH. Theo báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam²⁵, ước tính đến hết tháng 12 năm 2022, số người tham gia BHXH khoảng 17,48 triệu người, bằng khoảng 38% lực lượng lao động trong độ tuổi; số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) khoảng 14,33 triệu người, bằng khoảng 31,1% lực lượng lao động trong độ tuổi²⁶. Thực hiện kịp thời chính sách bảo hiểm thất nghiệp, trong 11 tháng năm 2022 có 812.755 người nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp, tăng 29,1% so với cùng kỳ năm 2021 và 801.869 có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, tăng 29,4% so với cùng kỳ năm 2021.

- Tiếp tục triển khai Nghị quyết 107/NQ-CP ngày 16/8/2018 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/4/2018 của Hội nghị Trung ương (Khóa XII) về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, Bộ đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, trong đó đã điều chỉnh tăng bình quân 6% mức lương tối thiểu tháng và lần đầu tiên quy định mức lương tối thiểu giờ áp dụng từ 01/7/2022, qua đó góp phần thúc đẩy tiền lương, thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động và hỗ trợ tích cực cho phục hồi thị trường lao động sau 02 năm đại dịch. Đồng thời, tiến hành triển khai điều tra về lao động, tiền lương, mức sống của người lao động để tổng hợp phục vụ xây dựng chính sách và hỗ trợ, thúc đẩy các bên tiến hành các hoạt động thương lượng, xác lập các điều kiện về tiền lương, thu nhập, phúc lợi xã hội để cải thiện đời sống của người lao động phù hợp với khả năng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, năm 2022, thu nhập bình quân của người lao động đạt 7,544 triệu đồng, tăng 15% so với năm 2021.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới; trong thời gian phục hồi sau đại dịch Covid-19, việc tiến hành đối thoại, thực hiện dân chủ đã được các doanh nghiệp cơ bản chú trọng hơn, quan hệ hợp tác giữa người lao động và người sử dụng lao động được tăng

²⁴ Bộ LĐTBXH có văn bản số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 chỉ đạo UBND tỉnh, thành phố và BHXH Việt Nam tăng cường công tác thông tin tuyên truyền thực hiện đúng quy định pháp luật về BHXH, thường xuyên thanh tra, kiểm tra chấn chỉnh hành vi mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động; văn bản số 50/LĐTBXH-BHXH ngày 30/01/2022 hướng dẫn BHXH Việt Nam về việc giải quyết chế độ ốm đau, thai sản đối với người lao động trong thời gian ngừng việc.

²⁵ Báo cáo số 3717/BC-BHXH ngày 05/12/2022 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

²⁶ Theo Báo cáo tình hình kinh tế- xã hội năm 2022 của Tổng cục Thống kê, lực lượng lao động trong độ tuổi tính chung cả năm 2022 là 46 triệu người

cường, giảm thiểu xung đột. Qua đó, thúc đẩy quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiên bộ trong doanh nghiệp. Tiếp tục kiện toàn, thúc đẩy hoạt động Ủy ban Quan hệ lao động; tăng cường phối hợp, hỗ trợ địa phương nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về quan hệ lao động, thúc đẩy các cơ chế, thiết chế quan hệ lao động.

- Công tác quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ) được chú trọng; Bộ đã chủ trì, phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức Lễ phát động Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động và Tháng Công nhân năm 2022 với chủ đề: “Tăng cường các biện pháp giảm thiểu rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động tại nơi làm việc, thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”; tổ chức đối thoại định kỳ năm 2022 của Hội đồng quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động tại Hà Nội. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu nhóm 2²⁷. Công tác thanh tra, kiểm tra tiếp tục được quan tâm, tập trung vào các địa bàn có nhiều nguy cơ tai nạn và các tổ chức dịch vụ huấn luyện và kiểm định kỹ thuật ATVSLĐ nhằm kiểm soát chất lượng và hiệu quả của các tổ chức. Hướng dẫn tổ chức thực hiện Nghị quyết số 17/2022/UBTVQH15 ngày 23/3/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về số giờ làm thêm trong 01 năm, trong 01 tháng của người lao động trong bối cảnh phòng, chống dịch COVID-19 và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Ước tính trong 02 năm 2021- 2022 tần suất tai nạn lao động chết người trên cả nước trong khu vực có quan hệ lao động trung bình mỗi năm giảm trên 5% so với tần suất giai đoạn 2016- 2020.

- Tăng cường hiệu quả công tác quản lý, cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Hướng dẫn các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có sử dụng lao động thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý lao động cho các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư, nhà thầu và người lao động. Tính đến tháng 12 năm 2022 cả nước có 119.656 lao động nước ngoài đang làm việc²⁸.

c) Tiếp tục đổi mới, phát triển giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện khâu đột phá về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp được nâng lên, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và thị trường lao động. Kỹ năng nghề của người

²⁷ Trong năm 2022 đã kiểm tra chất lượng hàng nhập khẩu 1.750 bộ hồ sơ; đánh giá, đề nghị cấp Chứng chỉ kiểm định viên cho 200 kiểm định viên; đánh giá, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho 48 đơn vị; tổ chức lớp đào tạo nghiệp vụ kiểm định viên cho 280 học viên...

²⁸ Số lao động không thuộc diện cấp giấy phép lao động là 9.220 người (chiếm 7,7% trên tổng số người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam); số lao động nước ngoài thuộc diện cấp giấy phép lao động là 110.436 (chiếm 92,3%), trong đó đã cấp mới giấy phép lao động cho 80.658 người và gia hạn cho 14.050 lao động, cấp lại cho 8.850 người số còn lại 6.968 người đang hoàn thiện các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động.

lao động được tăng cường, có thể đảm nhận nhiều vị trí công việc phức tạp mà trước đây phải do chuyên gia nước ngoài thực hiện.

Công tác truyền thông về GDNN được đẩy mạnh, bắt kịp đổi mới, nâng cao hình ảnh, thương hiệu và giá trị xã hội của GDNN, nhờ đó thái độ xã hội về nghề và công tác đào tạo nghề nghiệp chuyên biến tích cực. Trong công tác đào tạo, đã hướng dẫn các địa phương, cơ sở GDNN thực hiện 3 linh hoạt (linh hoạt tuyển sinh giữa các ngành nghề trong cùng nhóm ngành nghề; linh hoạt quy mô giữa các trình độ đào tạo trong cùng ngành nghề, cùng nhóm ngành nghề; linh hoạt giữa các trình độ đào tạo và giữa các ngành nghề đào tạo trong cùng nhóm ngành nghề); đồng thời đẩy mạnh liên kết đào tạo với các doanh nghiệp trong tuyển sinh, được phép thỉnh giảng 40% khối lượng chương trình đào tạo... Chủ động điều chỉnh kế hoạch, tiến độ đào tạo, đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo, đẩy mạnh đào tạo trực tuyến đối với các nội dung, môn học, mô đun phù hợp; ứng dụng công nghệ số từ khâu tư vấn, tổ chức tuyển sinh, đến quá trình đào tạo, liên kết với doanh nghiệp để bảo đảm việc làm cho người học. Chủ động, tích cực triển khai chính sách hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm cho người lao động²⁹; đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động, nhất là ở những địa bàn, khu vực kinh tế trọng điểm, tập trung đông các khu công nghiệp, khu chế xuất, đáp ứng yêu cầu lao động kỹ năng cho phục hồi, tái cơ cấu nền kinh tế và phát triển bền vững.

Hướng dẫn các bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; tiếp tục hướng dẫn sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở GDNN công lập nhằm giảm sự trùng lặp về ngành, nghề đào tạo; giảm đầu mỗi quản lý để tập trung các nguồn lực đầu tư nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của cơ sở GDNN, đến nay cả nước có 1.887 cơ sở giáo dục nghề nghiệp³⁰. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng GDNN, phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý GDNN.

Ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh năm 2022; chỉ đạo, hướng dẫn triển khai tuyển sinh ở một số ngành nghề trọng điểm mũi nhọn, đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kỹ năng phục vụ phát triển bền vững và phục hồi kinh tế; tuyển sinh đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo...; hướng dẫn địa phương, cơ sở triển khai thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt “Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng cho học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”.

²⁹ Theo các Nghị quyết số 68/NQ-CP, Nghị quyết số 126/NQ-CP và các Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg.

³⁰ Gồm: 399 trường cao đẳng (300 trường công lập), 430 trường trung cấp (199 trường công lập), 1.058 trung tâm giáo dục nghề nghiệp (698 trung tâm công lập). Tổng số cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập là 690 cơ sở (chiếm 37%).

Thực hiện các hoạt động kết nối giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp trong đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động³¹; tăng cường hợp tác đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực qua đào tạo cho doanh nghiệp được hệ thống GDNN thúc đẩy mạnh mẽ; đồng thời tổ chức các hoạt động tôn vinh, vinh danh cán bộ quản lý, nhà giáo GDNN, học sinh sinh viên tiêu biểu, xuất sắc, đại sứ kỹ năng nghề nhân kỷ niệm Ngày kỹ năng lao động Việt Nam 4/10. Hoạt động đổi mới, sáng tạo trong đội ngũ nhà giáo và học sinh sinh viên được tổ chức sôi nổi, Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc được tổ chức từ ngày 10/10 đến ngày 14/10/2022 tại thành phố Vũng Tàu, đã thu hút 57 tỉnh, thành phố tham dự với tổng số 381 thiết bị của 191 cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp - Startup Kite 2022 thu hút được 1.512 dự án tham gia dự thi vòng sơ tuyển cấp trường, lựa chọn 206 dự án thi vòng bán kết và 80 dự án được vào chung kết; 37 ý tưởng được trao giải và nhận được sự quan tâm, đầu tư từ các doanh nghiệp, có ý tưởng đã được đầu tư hàng tỷ đồng. Ước tính cả năm 2022 cả nước tuyển sinh được trên 2.259 nghìn người, đạt 108,3% so với kế hoạch; số học sinh, sinh viên tốt nghiệp khoảng 2.096 nghìn người, đạt 115% so với kế hoạch.

3.2. Thực hiện tốt công tác chăm sóc người có công với cách mạng, đời sống người có công không ngừng được nâng lên.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện hiệu quả Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 14/7/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng; thực hiện đầy đủ các chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; đẩy mạnh các hoạt động “đền ơn đáp nghĩa”, “uống nước nhớ nguồn”, huy động nguồn lực của xã hội, cộng đồng chăm lo đời sống người có công với cách mạng, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán³².

Chi trả trợ cấp người có công thường xuyên hằng tháng cho gần 1,2 triệu người, kinh phí 29.490 tỷ đồng. Trình Thủ tướng Chính phủ công nhận và cấp Bằng Tổ quốc ghi công đối với 553 liệt sĩ (trong đó 12 liệt sĩ được công nhận thông qua xem xét giải quyết hồ sơ tồn đọng); cấp đổi lại 11.820 Bằng Tổ Quốc ghi công. Tiếp tục thực hiện Đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin, trong năm đã tiếp nhận 1.876 mẫu hài cốt và mẫu sinh phẩm thân nhân liệt sĩ, đã phân tích, so sánh đối khớp được 148 danh tính hài cốt liệt sĩ, báo tin đến thân nhân liệt sĩ và ghi tên trên bia mộ liệt sĩ. Tổ chức đón tiếp, gặp mặt các Đoàn người có công với cách mạng của các địa phương. Nâng cao hiệu quả công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng đối với người có công với cách mạng. Tăng cường huy động nguồn lực xã hội chăm sóc người có công với cách mạng, Quỹ Đền ơn đáp

³¹ Như: Tổ chức tọa đàm trực tuyến về phát triển nguồn nhân lực giữa Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp với Tập đoàn SunGroup và các trường cao đẳng, trung cấp; Hội nghị tuyên sinh, đào tạo, cung ứng nhân lực lĩnh vực du lịch với Sun Group, ký kết hợp tác giữa Tập đoàn Sun Group với các Sở LĐTBXH và các trường khu vực miền Nam; hội thảo về chuyển giao chương trình và đào tạo chứng chỉ quốc tế đối với ngành kế toán, kiểm toán với Hiệp hội kế toán Công chứng Anh Quốc (ACCA) - Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp - ACCA và các trường trung cấp, cao đẳng; Hội nghị tuyên sinh, đào tạo, cung ứng nhân lực lĩnh vực logistics với VCCI, Hiệp hội Logistics, ký kết hợp tác giữa các trường và doanh nghiệp logistics...

³² Tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước ban hành Quyết định số 2408/QĐ-CTN ngày 27/12/2021 về việc tặng quà cho một số đối tượng có công với cách mạng nhân dịp Tết Nguyên đán Nhâm, với 2 mức quà là 600.000 đồng và 300.000 đồng/1 suất quà cho trên 1.560 người có công và thân nhân liệt sĩ; tổng kinh phí tặng quà là trên 480,3 tỷ đồng.

nghĩa cả nước vận động được trên 390 tỷ đồng, hỗ trợ xây mới trên 4.000 nhà tình nghĩa, sửa chữa trên 3.000 nhà tình nghĩa với tổng kinh phí trên 280 tỷ đồng; tặng trên 8.000 sổ tiết kiệm với kinh phí trên 17 tỷ đồng; có 3.388 Bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống được các đơn vị nhận chăm sóc, phụng dưỡng suốt đời. Ngân sách trung ương chi 600 tỷ đồng nâng cấp, tu bổ, sửa chữa mộ liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ cho các địa phương đảm bảo bền vững lâu dài, phát huy tính giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ.

Đặc biệt, cả nước đã tổ chức các hoạt động kỷ niệm 75 ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2022) bảo đảm thiết thực, trang trọng, ý nghĩa³³. Nhân dịp này, Nhà nước đã dành trên 400 tỷ đồng tặng quà cho người có công với cách mạng; các đoàn Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã đi thăm hỏi, tặng quà người có công với cách mạng ở các địa phương. Tổ chức Lễ thấp nền tri ân các Anh hùng liệt sĩ tại các nghĩa trang liệt sĩ trên toàn quốc.

Đời sống người có công với cách mạng không ngừng được nâng lên, hiện nay có 99% xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, 99% hộ gia đình người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống của người dân nơi cư trú.

3.3. Các lĩnh vực xã hội

a) Các chính sách, chương trình giảm nghèo được thực hiện khá toàn diện và tương đối đầy đủ, đời sống của người nghèo từng bước được cải thiện, nâng cao, an sinh xã hội luôn được đảm bảo.

Các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã được ban hành đầy đủ, đúng tiến độ. Để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, ngay từ đầu năm 2022, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành và địa phương bố trí ngân sách để tiếp tục tổ chức thực hiện kịp thời, đầy đủ các chương trình, cơ chế, chính sách giảm nghèo cho người dân theo quy định. Hệ thống cơ chế, chính sách giảm nghèo ngày càng được bổ sung, hoàn thiện, tạo điều kiện cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm nghèo bền vững, hạn chế tác động tiêu cực của thiên tai, dịch bệnh.

Trong năm, ngân sách nhà nước đã ưu tiên bố trí 23.000 tỷ để thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chung (hỗ trợ sản xuất, dạy nghề, tạo việc làm; về giáo dục và đào tạo; về y tế; về nhà ở; về trợ giúp pháp lý; về văn hóa, thông tin). Thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua ngân hàng chính sách xã hội, Ước đến 31/12/2022, tổng dư nợ đạt trên 283 nghìn tỷ đồng với hơn

³³ Chiều 23/7/2022, tại Trụ sở Trung ương Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã gặp mặt thân mật 75 đại biểu người có công tiêu biểu, đại diện cho hàng triệu người có công là cán bộ lão thành cách mạng, các Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang, thương binh, bệnh binh, thân nhân gia đình liệt sĩ ở khắp mọi miền Tổ quốc, thể hiện sự quan tâm, tri ân và động viên kịp thời của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đối với các thế hệ đã có nhiều cống hiến, hy sinh cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Ngày 24/7/2022, Bộ LĐTBXH đã phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và UBND thành phố Hà Nội tổ chức Lễ kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ và tuyên dương người có công tiêu biểu toàn quốc năm 2022; buổi lễ có sự tham dự của Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và 450 đại biểu người có công tiêu biểu toàn quốc.

6,5 triệu hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác còn dư nợ. Tín dụng chính sách xã hội góp phần hỗ trợ đầu tư sản xuất kinh doanh, tạo việc làm cho trên 867 nghìn nghìn lao động, trong đó có trên 7 nghìn lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; giúp trên 62 nghìn lượt học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn học tập, giúp mua gần 87 nghìn máy vi tính, thiết bị học trực tuyến; xây dựng hơn 1,4 triệu công trình nước sạch và vệ sinh môi trường ở nông thôn; xây dựng khoảng 13 nghìn căn nhà ở cho hộ nghèo và nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp. Tính từ tháng 01/2022 đến tháng 9/2022, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã phối hợp với các cấp, các ngành tổ chức vận động 3.544 tỷ đồng cho Quỹ “Vì người nghèo” và chương trình an sinh xã hội

Tập trung triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, hướng dẫn các cấp về phạm vi, đối tượng phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022. Các địa phương đã hoàn thành việc giao vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình³⁴; nhiều địa phương đã chủ động cân đối, bố trí vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình. Bên cạnh đó, các địa phương cũng chú trọng việc huy động vốn từ doanh nghiệp, cá nhân và nguồn huy động khác thực hiện Chương trình. Dự kiến cả năm có trên 1.200 công trình giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế và công trình khác được xây dựng trên địa bàn các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; trên 500 dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hơn 500 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp được triển khai thực hiện; khoảng 65.000 người nghèo, người lao động trên địa bàn huyện nghèo được đào tạo kỹ năng nghề; hơn 1.000 người được hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng...

Công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025; theo đó, tỷ lệ nghèo đa chiều trên phạm vi toàn quốc là 9,35% với tổng số 2.393.332 hộ³⁵.

Ước thực hiện năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm khoảng 1,2% so với đầu kỳ (cuối năm 2021); tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3% và tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 4-5%.

b) Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, tiếp tục mở rộng đối tượng thụ hưởng và nâng dần mức trợ cấp cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.

Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia người cao tuổi, Chương trình Phát triển Công tác xã hội giai đoạn 2021-2030, Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2030. Thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, theo báo cáo của các địa phương, hiện nay, cả nước đang thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng cho trên 3,3 triệu đối tượng với kinh phí khoảng 28.000 tỷ đồng³⁶. Nhiều địa phương đã ban hành Nghị quyết nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội và mở rộng đối tượng khó khăn

³⁴ Tổng kinh phí thực hiện Chương trình năm 2022 là 8.620 tỷ đồng.

³⁵ Tỷ lệ hộ nghèo là 5,2% với tổng số 1.330.148 hộ nghèo; tỷ lệ hộ cận nghèo là 4,15% với tổng số 1.063.184 hộ cận nghèo.

³⁶ Khoảng 26.000 tỷ đồng trợ cấp xã hội hàng tháng và 2.000 tỷ đồng cấp thẻ BHYT.

được hưởng trợ giúp xã hội³⁷, góp phần bảo đảm đời sống cho đối tượng thụ hưởng chính sách.

Quan tâm chăm sóc, phát huy vai trò của người cao tuổi, hiện nay đã có gần 3,3 triệu người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng (trong đó có hơn 2,5 triệu người cao tuổi), khoảng 1,2 triệu người cao tuổi hưởng trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, hơn 1,87 triệu người cao tuổi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, khoảng 10 nghìn người cao tuổi đang được nuôi dưỡng, chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội; 95% người cao tuổi được cấp thẻ BHYT, 32% người cao tuổi được lập hồ sơ quản lý theo dõi sức khỏe ban đầu. Công tác trợ giúp và phục hồi chức năng cho người khuyết tật được thực hiện hiệu quả³⁸; gần 3 triệu người khuyết tật được cấp giấy chứng nhận khuyết tật; thực hiện trợ cấp xã hội và cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho trên 1,5 triệu người khuyết tật.

Tập trung xây dựng Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đến nay cả nước đã thành lập được 425 cơ sở trợ giúp xã hội (195 cơ sở công lập và 230 cơ sở ngoài công lập)³⁹ nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ trợ giúp xã hội của đối tượng cần trợ giúp xã hội⁴⁰. Mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội đã cung cấp dịch vụ cho người lớn và trẻ em khuyết tật và tâm thần chiếm tỷ lệ lớn 46,5%, số đối tượng là trẻ em mồ côi và bị bỏ rơi chiếm một tỷ lệ tương đối 19,3%, người già cô đơn chiếm tỷ lệ 10,3%, trẻ em và người lớn nhiễm HIV/AIDS chiếm tỷ lệ 1,4%. Các tỉnh, thành phố từng bước chuyển đổi hệ thống các cơ sở bảo trợ xã hội sang hoạt động theo mô hình cung cấp dịch vụ công tác xã hội đối với người già, người tâm thần, bảo vệ trẻ em, trợ giúp người khuyết tật phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng. Trợ giúp đột xuất kịp thời, không để người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh mà không được trợ giúp; tính từ đầu năm đến nay Chính phủ cấp xuất tổng số gần 25 nghìn tấn gạo hỗ trợ cho 492,5 nghìn hộ với hơn 1,6 triệu nhân khẩu, trong đó: gần 14 nghìn tấn gạo hỗ trợ cho gần 292 nghìn hộ với hơn 930 nghìn nhân khẩu trong dịp tết; 10,3 nghìn tấn gạo cho hơn 192 nghìn hộ với hơn 691 nghìn nhân khẩu dịp giáp hạt; 432,8 tấn gạo hỗ trợ hậu quả khắc phục thiên tai cho 8,4 nghìn hộ với 28,8 nghìn nhân khẩu. Hàng năm, phối hợp với Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai, Bộ Tài chính cùng các Bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, xuất cấp hàng nghìn tỉ đồng để hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra, ổn định đời sống dân sinh⁴¹.

³⁷ Hà Giang (380.000đ), Quảng Ninh (450.000đ), Hà Nội (440.000đ), Đà Nẵng (400.000đ), Bình Dương (400.000đ), Đồng Nai (400.000đ), Hồ Chí Minh (480.000đ), Hải Dương (380.000đ), Bắc Ninh (440.000đ), Vĩnh Phúc (1/3 mức lương cơ sở theo từng thời kỳ), Hải phòng (500.000đ).

³⁸ Hiện nay, cả nước có khoảng 6,2 triệu người khuyết tật (NKT), chiếm 7,06% dân số từ 2 tuổi trở lên, trong đó có 58% là nữ; 28,3% là trẻ em; gần 29% là NKT nặng và đặc biệt nặng. Tính đến cuối năm 2021, đã có trên 3 triệu NKT được cấp giấy chứng nhận khuyết tật.

³⁹ Trong đó, có 46 cơ sở chăm sóc người cao tuổi, 73 cơ sở chăm sóc người khuyết tật, 149 cơ sở chăm sóc trẻ em, 102 cơ sở tổng hợp, 32 cơ sở chăm sóc người tâm thần và 23 trung tâm công tác xã hội.

⁴⁰ Đến nay, mạng lưới các cơ sở TGXH đã đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ trợ giúp xã hội 30% đối tượng cần trợ giúp xã hội với các dịch vụ như tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội; tổ chức hoạt động phục hồi chức năng, lao động sản xuất, dạy văn hoá, dạy nghề, giáo dục hướng nghiệp và cung cấp các dịch vụ công tác xã hội.

⁴¹ Năm 2022, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, xuất cấp 1.800 tỉ đồng hỗ trợ cho 28 tỉnh, thành phố bị thiệt hại do thiên tai gây ra trong năm 2022.

Ước thực hiện năm 2022, 100% đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; 100% người dân bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt, thiếu đói được trợ giúp đột xuất kịp thời, không người dân nào bị đói; trên 87% người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng kịp thời; trên 87% người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc kịp thời, đạt mục tiêu.

c) Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em được đẩy mạnh; xây dựng môi trường sống an toàn để thực hiện đầy đủ quyền trẻ em.

Triển khai thực hiện các chương trình, đề án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; tăng cường hướng dẫn, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương về công tác trẻ em năm 2022; tăng cường kiểm tra, thanh tra liên ngành về thực hiện quyền trẻ em, đặc biệt phòng, chống xâm hại, tai nạn, thương tích, trọng tâm là phòng, chống đuối nước ở trẻ em và rà soát, kiểm tra, thanh tra việc chăm sóc nuôi dưỡng, hỗ trợ trẻ em của các cơ sở trợ giúp xã hội, các quỹ từ thiện. Ký 04 Quy chế/Kế hoạch phối hợp liên ngành về thực hiện Đề án chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2018-2025; về kết nối, xác thực và đồng bộ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu trẻ em; về việc phối hợp trong tiếp nhận thông tin, điều tra, xử lý đối với các hành vi xâm hại trẻ em và theo dõi dữ liệu liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em trên môi trường mạng; về kế hoạch phối hợp liên ngành phòng, chống đuối nước giai đoạn 2022-2030. Triển khai thực hiện Công điện số 398/CD-CP ngày 02/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng, chống đuối nước trẻ em. Bộ LĐTBXH có Công điện số 03/CD-LĐTBXH ngày 17/8/2022 gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em nhằm làm giảm tối đa các tổn hại và bảo đảm quyền, lợi ích của trẻ em. Thực hiện hội nhập và hợp tác quốc tế sâu rộng hơn trong bảo đảm thực hiện quyền trẻ em, tham dự Phiên họp thứ 91 của Ủy ban quyền trẻ em của Liên hợp quốc (phiên đối thoại về báo cáo định kỳ lần 5 và lần 6); Hội nghị toàn cầu lần thứ 5 về Xóa bỏ lao động trẻ em; Hội nghị thế giới về an toàn và phòng, chống đuối nước tại Aldelaide - Úc; Hội nghị toàn cầu của Liên minh 8.7 về phòng, chống lao động trẻ em và phòng, chống mua bán người. Tổ chức, phối hợp tổ chức Lễ phát động Tháng hành động vì trẻ em và Khai mạc hè năm 2022. Phối hợp với Bộ Công an triển khai kết nối cơ sở dữ liệu trẻ em vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư⁴².

Nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, Lễ phát động Tháng hành động vì trẻ em và Khai mạc hè năm 2022, các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã đến thăm và tặng quà cho trẻ em: Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc đã thăm, tặng quà cho trẻ em tại Trung tâm nuôi dưỡng trẻ khuyết tật Hà Nội; Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và lãnh đạo các bộ, ngành liên quan và lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thăm các bệnh nhân nhi đang điều trị tại Trung tâm Ung

⁴² Đến nay đã bổ sung mã định danh cho gần 13 triệu bản ghi trẻ em trên tổng số hơn 22 triệu bản ghi được quản lý trong cơ sở dữ liệu trẻ em, làm giàu gần 4 triệu dữ liệu trẻ em đối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. .

thư và các bệnh nhân nhi đang điều trị sức khỏe tâm lý hậu COVID-19 tại Bệnh viện Nhi Trung ương.

Triển khai nhiều giải pháp chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trước tác động của đại dịch COVID-19. Tăng cường công tác phòng, chống xâm hại trẻ em, phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; bảo đảm duy trì các dịch vụ trợ giúp xã hội và kịp thời phát hiện, giải quyết, thông tin về các vấn đề, vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em và liên quan đến quyền trẻ em về Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (số 111)⁴³; bảo đảm cho tất cả trẻ em đều được đón Tết an toàn, vui tươi, lành mạnh⁴⁴. Huy động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trong năm 2022 Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam đã vận động được 122,222 tỷ đồng; thực hiện hỗ trợ cho 125.980 lượt trẻ em với kinh phí 91,055 tỷ đồng.

Ước thực hiện năm 2022, số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em chiếm khoảng 57% tổng số; tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng dân số trẻ em giảm còn 6,8%.

d) Bình đẳng giới ngày càng thực chất hơn, vai trò và địa vị của phụ nữ được cải thiện, nâng lên rõ rệt

Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030, Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025, Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030; đơn đốc, chỉ đạo tổng kết 15 năm thi hành Luật Bình đẳng giới. Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ⁴⁵. Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới đã được tổ chức trên toàn quốc với hơn 30.000 hoạt động hưởng ứng, thu hút sự tham gia của hơn 1,5 triệu lượt người tham gia trực tiếp và hơn 5 triệu lượt người tham gia qua các sự kiện trực tuyến.

Công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới tiếp tục được triển khai: Mô hình Trung tâm dịch vụ một cửa hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới (Ngôi nhà Ánh Dương) tiếp tục được duy trì tại Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Quảng Ninh và đồng thời nhân rộng tại Trung tâm cung cấp Dịch vụ xã hội tỉnh Thanh Hoá. Mạng lưới đối tác hành động về phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới được thành lập và hoạt động ổn định, tạo sự kết nối, chia sẻ

⁴³ Trong 9 tháng đầu năm Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em 111 đã tiếp nhận 368.346 cuộc gọi đến giảm 139.515 cuộc so với cùng kỳ năm 2021), tiếp nhận 9.679 lượt thông báo qua ứng dụng app và zalo (tăng 8.028 lượt so với cùng kỳ 2021), trong đó có 27.773 cuộc gọi tư vấn và 1.561 ca hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em (tăng 304 ca so với cùng kỳ năm trước).

⁴⁴ dịp Tết Nguyên đán, các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã đi thăm, tặng quà cho gần 7.515 trẻ em tại 37 địa phương với tổng kinh phí 35,29 tỷ đồng từ nguồn vận động của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam. Một số địa phương quan tâm, dành kinh phí từ ngân sách và huy động xã hội hóa chăm lo đến trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, như Quảng Trị 1,214 tỷ đồng; Long An 2,4 tỷ đồng; An Giang 1,34 tỷ đồng; Cà Mau 1,2 tỷ đồng; Bắc Ninh 837,8 triệu đồng. Tổng kinh phí các cơ quan trung ương, các cấp địa phương và nguồn xã hội hóa dành tặng quà cho trẻ em trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần là 232,7 tỷ đồng.

⁴⁵ Tổ chức 11 đoàn kiểm tra tại 02 cơ quan trung ương và 14 địa phương về việc triển khai Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ; 18 lớp tập huấn với gần 2.000 đại biểu (hơn 1/3 đại biểu là nam giới) của các bộ ngành, địa phương tham dự về các chủ đề hướng dẫn lồng ghép giới trong xây dựng chính sách, pháp luật, giới trong hội nhập và tăng trưởng xanh, ngân sách có trách nhiệm giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; truyền thông về bình đẳng giới tiếp tục được triển khai sâu rộng, với nhiều hình thức phong phú, đa dạng hướng tới nhiều nhóm đối tượng.

thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội và các chuyên gia.

Hoạt động hợp tác quốc tế về bình đẳng giới tiếp tục được duy trì và thúc đẩy mạnh mẽ trên các diễn đàn đa phương, song phương. Đoàn đại biểu Việt Nam do Bộ trưởng Bộ LĐTBXH làm Trưởng đoàn dự và phát biểu tại Khoá họp thường niên lần thứ 66 của Ủy ban Địa vị Phụ nữ Liên hợp quốc; Lãnh đạo Bộ tham dự Hội nghị cấp Bộ trưởng về Phụ nữ và Kinh tế APEC. Chuẩn bị nội dung, cung cấp thông tin phục vụ Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ tham gia các sự kiện quốc tế quan trọng như: Đoàn Chủ tịch nước tham dự Tuần lễ cấp cao APEC năm 2022 tại Thái Lan; Đoàn Phó Chủ tịch nước tham dự Hội nghị thượng đỉnh phụ nữ toàn cầu năm 2022 tại Thái Lan, Hội nghị cấp cao Pháp ngữ lần thứ 18 tại Tuynidi; Đoàn Thủ tướng tham dự Hội nghị Thượng đỉnh Lãnh đạo nữ ASEAN. Tích cực tham gia công tác đấu tranh nhân quyền thông qua việc liên tục cập nhật thông tin, thành tựu về bình đẳng giới, bám sát các chủ trương chỉ đạo của Đảng phục vụ cho các cuộc đối thoại nhân quyền với các quốc gia và các báo cáo cập nhật định kỳ tự nguyện thực hiện các khuyến nghị mà Việt Nam đã chấp thuận theo Cơ chế rà soát định kỳ phổ quát về quyền con người.

Việc thực hiện bình đẳng giới trong một số lĩnh vực đã có những kết quả tích cực: Tính đến tháng 12/2022, có 15/30 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có lãnh đạo chủ chốt là nữ⁴⁶; lực lượng lao động là 51,6 triệu người, trong đó lao động nữ chiếm 46,8%; chỉ số xếp hạng về bình đẳng giới của Việt Nam năm 2022 là 83/146 quốc gia, tăng 4 bậc so với năm 2021 (năm 2021 Việt Nam xếp thứ 87/144 quốc gia), trong đó các chỉ số về trao quyền cho phụ nữ, lĩnh vực sức khỏe và giáo dục có những bước tiến bộ rõ rệt⁴⁷.

đ) Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tệ nạn xã hội

- Tập trung triển khai công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, tư vấn, hướng nghiệp, học nghề và giới thiệu việc làm cho học viên cai nghiện ma túy. Triển khai hướng dẫn triển khai Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phòng, chống ma túy và các văn bản dưới luật về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy, Bộ LĐTBXH đã ban hành Công văn số 332/LĐTBXH-PCTNXH ngày 16/02/2022 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để chỉ đạo việc thực hiện cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện; tổ chức Hội nghị triển khai Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đến 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong năm 2022, có 121.374 người được cai nghiện ma túy, trong đó: Các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên cả nước đã tổ chức cai nghiện cho 63.253 người⁴⁸; 13 cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện do tổ chức, cá nhân thành lập đang hoạt động, trong năm đã

⁴⁶ Trong đó: các bộ, cơ quan ngang bộ có nữ lãnh đạo chủ chốt là nữ là 13/22, đạt 59%; các cơ quan thuộc Chính phủ có lãnh đạo chủ chốt là nữ là 2/8, đạt 25%; có 04 nữ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; 12 nữ Thứ trưởng và tương đương.

⁴⁷ Theo Báo cáo khoảng cách giới toàn cầu năm 2022 do Diễn đàn kinh tế thế giới công bố vào tháng 7/2022.

⁴⁸ Trong đó số tiếp nhận mới là 31.010 người (có 4.335 người thuộc diện bắt buộc theo Nghị định số 221/2013/NĐ-CP và 16.855 người thuộc diện bắt buộc theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP, trong đó có 53 người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi; số người cai tự nguyện 9.820 người, trong đó có 118 người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi. Số chuyển từ năm 2021 sang 31.812 người, số tái hòa nhập cộng đồng 33.886 người.

điều trị cho 2.896 người; có 20 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng cho 3.656 người; cả nước đang điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế cho 51.027 người⁴⁹.

Tỷ lệ người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý được tiếp cận các dịch vụ tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy ước đạt 74%; tỷ trọng người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy trong tổng số người nghiện được cai nghiện đạt thấp (25%).

- Chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021-2025; xây dựng chính sách về cung cấp dịch vụ hỗ trợ xã hội; xác định các tiêu chí, thẩm quyền, quy trình hỗ trợ hòa nhập cộng đồng trong phòng, chống mại dâm; xây dựng tài liệu truyền thông về phòng, chống mại dâm; nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình phòng, chống mại dâm. Tăng cường hoạt động của Đội kiểm tra liên ngành phòng, chống mại dâm⁵⁰. Xây dựng, triển khai các hoạt động can thiệp giám sát hại, phòng ngừa lây nhiễm các bệnh xã hội và HIV/AIDS, phòng ngừa, giảm tình trạng bạo lực trên cơ sở giới trong phòng, chống mại dâm: Theo báo cáo của các địa phương, đến nay có 11 địa phương⁵¹ tiếp tục duy trì theo 03 khung mô hình thí điểm của Chương trình phòng, chống mại dâm, trong đó có 03 địa bàn triển khai mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ người bán dâm tại cộng đồng, Trung tâm công tác xã hội; 32 địa bàn thực hiện mô hình đảm bảo quyền cho người lao động tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm; 14 địa bàn triển khai mô hình tăng cường năng lực các nhóm đồng đẳng/nhóm tự lực/câu lạc bộ của người bán dâm trong việc tiếp cận truyền thông và hỗ trợ giảm hại, phòng chống bạo lực giới.

- Triển khai thực hiện Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030, Bộ đã ký Quy chế phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao về tiếp nhận, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán. Xây dựng, thực hiện mô hình hỗ trợ sinh kế cho nạn nhân và người có nguy cơ cao tại tỉnh Thanh Hoá. Làm tốt công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán, theo báo cáo chưa đầy đủ của 54 Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố, trong năm các tỉnh/thành phố đã tiếp nhận tiếp nhận 455 người; trong đó, số người được xác định là nạn nhân là 235 người, tăng 113,6% so với cùng kỳ năm 2021; có 216 người được xác định là nạn nhân có nhu cầu đã được nhận hỗ trợ 1 trong các dịch vụ hỗ trợ (hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe, tư vấn pháp lý, học nghề, việc làm và hỗ trợ vay vốn ổn định cuộc sống).

⁴⁹ Trong đó, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đang duy trì tổ chức điều trị cho 4.218 người nghiện ma túy.

⁵⁰ Tính đến thời điểm hiện tại, theo số liệu báo cáo chưa đầy đủ của các địa phương, Đội kiểm tra liên ngành phòng, chống mại dâm 178 các địa phương có báo cáo đã tiến hành kiểm tra 20.439 lượt cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ lợi dụng để hoạt động mại dâm, phát hiện 4.905 cơ sở vi phạm; xử lý bằng hình thức nhắc nhở, cảnh cáo 1.577 cơ sở; phạt tiền 2.889 cơ sở với số tiền phạt hơn 34 tỷ đồng; 125 cơ sở bị đình chỉ kinh doanh; 16 cơ sở bị rút giấy phép kinh doanh; 298 cơ sở bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung.

⁵¹ 11 địa phương duy trì các mô hình thí điểm theo định hướng của Chương trình PCMD: Quảng Ninh, Đồng Nai, Hải Phòng, Thái Bình, Vĩnh Phúc, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Bạc Liêu, Cần Thơ, Đồng Tháp.

4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

a) Tiếp tục thực hiện chủ trương kiện toàn, tinh gọn bộ máy của Trung ương, Nghị quyết của Quốc hội và Chương trình hành động của Chính phủ, Bộ đã chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ tiếp tục triển khai thực hiện sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức theo Quyết định số 1155/QĐ-LĐTBXH ngày 05/9/2018 của Bộ trưởng. Triển khai Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ đã giao Vụ Tổ chức cán bộ phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, trình Bộ Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ⁵². Tiếp tục xây dựng vị trí việc làm, biên chế công chức và số lượng người làm việc; giao biên chế công chức hành chính năm 2022 đối với các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ. Tuyển dụng, tiếp nhận công chức⁵³; thực hiện kịp thời, đảm bảo đúng quy định chế độ tiền lương, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động. Tinh giản biên chế đối với 09 trường hợp. Triển khai Quy định số 50-QĐ/TW ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ và Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW ngày 15/02/2022 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ. Thực hiện công tác bổ nhiệm cán bộ và kiện toàn nhân sự⁵⁴. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trong và ngoài nước⁵⁵. Nâng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động toàn ngành không ngừng được nâng cao, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu công việc.

b) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hoá phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp; ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC) của Bộ năm 2022; công bố và đăng tải công khai đầy đủ, kịp thời các TTHC quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới có hiệu lực thi hành, gồm 19 TTHC mới ban hành, 53 TTHC sửa

⁵² Bộ trưởng đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Bộ.

⁵³ Tiếp nhận 03 trường hợp đang là công chức về công tác tại các đơn vị thuộc Bộ; tiếp nhận 05 trường hợp đang là viên chức vào làm công chức tại các đơn vị thuộc Bộ; ban hành Kế hoạch thi tuyển công chức vào làm việc tại đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ năm 2022

⁵⁴ Thực hiện quy trình bổ nhiệm lại 01 Thứ trưởng (Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định bổ nhiệm); bổ nhiệm Lãnh đạo cấp Vụ, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ: 13 trường hợp; giao phụ trách: 01 trường hợp; bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ: 11 trường hợp. Thuyên chuyển công tác: 01 trường hợp. Đối với cấp Trưởng phòng, Khoa và Kế toán trưởng của các đơn vị thuộc Bộ quyết định theo phân cấp: bổ nhiệm mới 19 trường hợp; bổ nhiệm lại 9 trường hợp; phê duyệt chủ trương bổ nhiệm, bổ nhiệm lại: 05 trường hợp. Thực hiện quy trình thủ tục thay đổi chức vụ do sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của 01 đơn vị (Thanh tra Bộ).

⁵⁵ Trong năm đã cử 02 công chức tham gia lớp Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho đối tượng 1; cử 11 công chức, viên chức học Cao cấp lý luận chính trị; cử 10 công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng ngạch Chuyên viên cao cấp; cử 21 công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp Vụ và tương đương; cử 31 công chức, viên chức tham gia các khóa học do Học viện Ngoại giao tổ chức theo “Đề án Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng cho công chức, viên chức làm công tác hội nhập quốc tế”; cử 06 công chức, viên chức đăng ký tham gia dự tuyển Chương trình học bổng khóa học ngắn hạn về tăng trưởng xanh bền vững, biến đổi khí hậu do GIZ tổ chức; cử 03 công chức tham gia lớp bồi dưỡng ngạch thanh tra viên chính và tổ chức lớp nghiệp vụ ngành cho đội ngũ công chức được tuyển dụng, tiếp nhận về các đơn vị thuộc Bộ.

đổi, bổ sung, đơn giản hóa và 20 TTHC bãi bỏ thuộc các lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước, Giáo dục nghề nghiệp, Việc làm, Phòng, chống tệ nạn xã hội. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2230/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hoá quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ năm 2021 và năm 2022; theo đó, số quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh dự kiến cắt giảm, đơn giản hoá đạt tỷ lệ 30,22% trên tổng số quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ⁵⁶; về tổng số chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh dự kiến tiết kiệm là 6.047.205.026 đồng⁵⁷.

c) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của bộ, ngành⁵⁸; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 về thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt. Nâng cao năng lực hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ; tái cấu trúc hạ tầng CNTT của Bộ dựa trên nền tảng công nghệ điện toán đám mây (Cloud Computing); nâng cấp và triển khai hệ thống Hội nghị truyền hình, hệ thống điều hành trực tuyến, hệ thống hội nghị trực tuyến, hệ thống mạng Wifi của Bộ; duy trì, vận hành hạ tầng kỹ thuật của Bộ và các đơn vị thuộc Bộ. Duy trì, cập nhật nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung - LGSP của Bộ; đảm bảo kết nối thông suốt với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia để thực hiện xây dựng Chính phủ số; các đơn vị thuộc Bộ đã đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dần hướng tới tiêu chí: đúng, đủ, sạch, sống. Hoàn thành kết nối liên thông với Cơ sở dữ liệu trẻ em⁵⁹, Cơ sở dữ liệu bảo trợ xã hội với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; phối hợp với Bộ Công an tiến hành, xác minh và bổ sung căn cước công dân cho hơn 3,2 triệu đối tượng bảo trợ xã hội. Cổng dịch vụ Công của Bộ đã tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Cổng dịch vụ công quốc gia, đảm bảo dữ liệu giữa các hệ thống thông tin được thu thập một lần. Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ đang cung cấp 56 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Hoàn thành tích hợp dịch vụ công giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp lên trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kết nối, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ dịch vụ công liên thông gắn với nghiệp vụ trợ cấp mai táng phí trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tới các Hệ thống phần mềm thuộc Cục Bảo trợ xã hội và Cục Người có công⁶⁰.

⁵⁶ Trong đó: số quy định TTHC là 51/182 quy định, chiếm tỷ lệ 28,02 %; số quy định yêu cầu, điều kiện là 04/182 quy định, chiếm tỷ lệ: 2,2%.

⁵⁷ Trong đó: chi phí tuân thủ TTHC tiết kiệm: 6.023.660.426 đồng; chi phí tuân thủ quy định yêu cầu, điều kiện tiết kiệm: 23.544.000 đồng.

⁵⁸ Ban hành Nghị quyết số 01-NQ/BCSD ngày 22/4/2022 của Ban cán sự đảng Bộ về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số lĩnh vực lao động, người có công và xã hội giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, phiên bản 2.0; cập nhật và duy trì Bộ chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; triển khai Kế hoạch ứng dụng CNTT, phát triển Chính phủ số và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 của Bộ, Chương trình chuyển đổi số của Bộ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06)

⁵⁹ Đến nay, đã làm sạch và bổ sung mã số định danh cho gần 14,5 triệu dữ liệu trẻ em trên tổng số 22,2 triệu hồ sơ trẻ em, đạt tỷ lệ hơn 63%, thực hiện làm giàu gần 4,5 triệu dữ liệu trẻ em với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

⁶⁰ Tính trong năm 2022 đã có trên 130.000 hồ sơ được xử lý trực tuyến và đồng bộ với Cổng dịch vụ công Quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên các dịch vụ công luôn đạt trên 50% số lượng hồ sơ thủ tục hành chính tại Bộ.

d) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, nắm tình hình và giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp phát sinh liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành LĐTĐXH tại các địa phương; giải quyết kịp thời các vụ tranh chấp, khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở. Năm 2022, Thanh tra toàn ngành LĐTĐXH đã triển khai 2.273 cuộc thanh tra và 623 cuộc kiểm tra; ban hành 2.273 kết luận thanh tra, phát hiện 9.877 thiếu sót, sai phạm; 454 quyết định xử phạt vi phạm hành chính (bằng 108% năm 2021) với tổng số tiền xử phạt là 26.042.768.553 đồng; thu hồi, kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền 198.011.631.403 đồng (bằng 110% năm 2021). Trong đó, Thanh tra Bộ đã thực hiện 344 cuộc thanh tra⁶¹; Thanh tra các Sở LĐTĐXH đã thực hiện 1.868 cuộc thanh tra và 623 cuộc kiểm tra⁶². Thực hiện theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định thu hồi, các quyết định xử lý sau thanh tra.

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, tiếp nhận đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo; trong năm 2022, ngành LĐTĐXH đã tiếp 10.571 lượt người, tiếp nhận 10.428 đơn, thư và giải quyết 322 vụ khiếu nại, tố cáo. Trong đó, tại Bộ đã tiếp 540 lượt công dân; tổng số đơn, thư tiếp nhận là 3.263 đơn, thư; đã xử lý 3.195 đơn, thư (tỷ lệ 97,9%); số đơn, thư chưa xử lý 68, trong đó Cục Người có công 62 đơn, thư, Vụ Bảo hiểm xã hội 6 đơn, thư. Việc tiếp nhận ý kiến phản ánh, kiến nghị chế độ chính sách, tư vấn pháp luật về lao động, người có công và xã hội được công khai tại địa chỉ các hòm thư điện tử.

Triển khai Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu năm 2022 của Bộ với các mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể đối với từng đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ. Xây dựng báo cáo định kỳ, đột xuất, chuyên đề theo yêu cầu của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Ban Nội chính Trung ương, Thanh tra Chính phủ, các cơ quan có thẩm quyền. Thực hiện xác minh tài sản, thu nhập của 34 người là công chức, viên chức tại 10 đơn vị thuộc Bộ theo kế hoạch. Triển khai 10 cuộc thanh tra hành chính trong đó có nội dung về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; kết quả, chưa phát hiện hành vi tham nhũng, tiêu cực tại 10 đơn vị được thanh tra. Qua theo dõi hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các đơn vị thuộc Bộ, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, chưa phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực. Xác định các vị trí việc làm thuộc đơn vị có nguy cơ xảy ra tham nhũng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa và phát hiện hành vi, dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực. Thực hiện kê khai, tài sản thu nhập theo quy định.

5. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế

Tổ chức và quản lý các hoạt động đối ngoại của Bộ và các đơn vị được thực hiện nghiêm túc, theo đúng các quy định hiện hành, đóng góp thiết thực, hiệu quả đối với các nhiệm vụ của ngành. Hợp tác quốc tế chú trọng vào phát triển cả theo

⁶¹ Đã ban hành 344 kết luận thanh tra, phát hiện 1.909 thiếu sót, sai phạm; 98 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền xử phạt là 9.397.560.514 đồng; quyết định thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền 193.804.330.358 đồng.

⁶² Ban hành 1.868 kết luận thanh tra, phát hiện 7.708 thiếu sót, sai phạm; phát hiện 1.351 sai phạm, thiếu sót qua hoạt động kiểm tra; 347 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền xử phạt là 16.645.208.039 đồng; quyết định thu hồi số tiền 4.207.301.054 đồng; phát hiện 19 trường hợp cán bộ làm sai chính sách và 231 người hưởng chế độ, chính sách sai quy định.

chiều rộng và chiều sâu với các đối tác truyền thống và chủ động nghiên cứu và mở rộng quan hệ với các đối tác tiềm năng trên tất cả các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, đặc biệt là về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, giảm nghèo bền vững, thực hiện quyền trẻ em, bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội thông qua việc ký kết các thỏa thuận quốc tế và thực hiện các dự án/hoạt động hợp tác do đối tác quốc tế tài trợ. Bộ chủ động, tích cực tham gia các hoạt động đối ngoại đa phương và đã đưa ra nhiều thông điệp quan trọng thông qua các diễn đàn như Cuộc họp lần thứ 66 của Ủy ban địa vị phụ nữ Liên hợp quốc, Hội nghị toàn cầu về Lao động trẻ em lần thứ 5, Hội nghị Lao động quốc tế, các Hội nghị cấp Bộ trưởng ASEAN.

Thực hiện các nghĩa vụ quốc tế thay mặt Chính phủ, Bộ thực hiện nghiêm túc việc báo cáo về kết quả thực hiện các Công ước của Liên hợp quốc, Công ước của ILO, đặc biệt là đã bảo vệ thành công Báo cáo lần thứ 5 và 6 của Việt Nam về thực hiện Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em, điều phối hiệu quả các hoạt động thực hiện Kế hoạch tổng thể Cộng đồng VHXH ASEAN đến năm 2025. Bộ cũng chủ động, tích cực tổ chức các hoạt động đối ngoại nhân dịp kỷ niệm năm chẵn thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước, thúc đẩy mạnh mẽ hợp tác song phương trong lĩnh vực lao động và xã hội, góp phần thúc đẩy hiệu quả quan hệ hợp tác hữu nghị giữa Việt Nam và các nước. Lãnh đạo Bộ đã tham gia tích cực, hiệu quả trong các hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước⁶³.

Công tác thông tin đối ngoại được Bộ đẩy mạnh các hoạt động trong năm, nhất là các thông tin về thành tựu của Việt Nam trong đảm bảo quyền con người; phối hợp tốt với các cơ quan liên quan trong việc phản bác, làm rõ các thông tin sai lệch về việc đảm bảo quyền con người tại Việt Nam.

6. Phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống đơn vị sự nghiệp thuộc ngành

Hoạt động của các đơn vị sự nghiệp thông tin, báo chí, nghiên cứu khoa học, các trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công; cơ sở trợ giúp xã hội; cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng đã có chuyển biến tích cực.

Các đơn vị sự nghiệp khoa học – công nghệ tiếp tục hoạt động hiệu quả, đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong Bộ triển khai thực hiện nhiều chương trình nghiên cứu trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội⁶⁴; phát hành bản tin cập nhật thị trường lao động. Đặc biệt, đã tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2012 – 2020; xây dựng dự thảo Nghị quyết của Trung ương về chính sách an sinh xã hội cho giải đoạn mới.

⁶³ Thông qua Hội nghị cấp cao ASEAN-Hoa Kỳ tại Washington, D.C, lần đầu tiên Bộ trưởng đã đến thăm chính thức Bộ Lao động Hoa Kỳ, nối lại cơ chế đối thoại lao động giữa Bộ LĐTBXH và Bộ Lao động Hoa Kỳ sau hơn 3 năm gián đoạn; Bộ trưởng ký Bản ghi nhớ giữa Bộ Lao động và Dạy nghề Vương quốc Campuchia và Bộ LĐTBXH nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về hợp tác trong lĩnh vực lao động nhân dịp Thủ tướng Chính phủ tham dự Hội nghị thượng đỉnh ASEAN.

⁶⁴ Trong năm 2022 đã triển khai thực hiện 01 đề tài cấp nhà nước; nghiên cứu 30 nhiệm vụ khoa học cấp Bộ; xây dựng 02 chương trình trọng điểm cấp Bộ.

Các cơ sở đào tạo thuộc Bộ thực hiện tốt công tác đào tạo học sinh, sinh viên và đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức hội nhập quốc tế cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, công chức, viên chức; cơ bản đáp ứng yêu cầu của Bộ, ngành; Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức lao động - xã hội đã kịp thời tham mưu, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ xây dựng kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, nhờ đó tạo cơ hội gia tăng khả năng tiếp cận và tham gia các lớp cho một số lượng lớn công chức, viên chức các đơn vị, đảm bảo triển khai được các lớp theo đúng yêu cầu Bộ giao, đồng thời mở rộng thành phần, đối tượng bồi dưỡng đến các Sở và đơn vị tại địa phương; các trường đại học tuyển sinh cao hơn so với những năm trước, chất lượng đào tạo ngày càng được nâng lên. Các cơ quan báo chí, truyền thông đã nỗ lực đổi mới, phát huy vai trò, tập trung tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; phản ánh kịp thời các vấn đề xã hội và dư luận quan tâm; đặc biệt tuyên truyền đậm nét về việc thực hiện chính sách về lao động, người có công và xã hội tại các địa phương, tạo đồng thuận xã hội. Các bệnh viện, trung tâm chỉnh hình - phục hồi chức năng của ngành đã tổ chức khám ngoại trú cho hàng trăm nghìn lượt người; tiếp nhận điều trị nội trú, phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng cho hàng chục nghìn lượt người khuyết tật, thương binh. Mạng lưới các cơ sở điều dưỡng người có công, cơ sở trợ giúp xã hội thực hiện tốt công tác điều dưỡng, nuôi dưỡng người có công⁶⁵, chăm sóc, nuôi dưỡng tập trung cho đối tượng bảo trợ xã hội.

7. Công tác tổng hợp, văn phòng, kế hoạch - tài chính

Công tác tổng hợp, văn phòng, kế hoạch - tài chính ngày càng đi vào nề nếp, hoạt động hiệu quả hơn; điều hòa tổng thể các công việc của cơ quan, của Bộ với các Bộ ngành, của Bộ với các địa phương nhịp nhàng, uyển chuyển, ăn ý trong công việc. Thực hiện tốt công tác tổng hợp báo cáo, cung cấp thông tin kịp thời; tham mưu tích cực cho Lãnh đạo Bộ trong chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội; cụ thể hóa nội dung các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ thành các chương trình, kế hoạch hành động của Bộ, ngành. Báo cáo đầy đủ theo yêu cầu của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ liên quan đến lĩnh vực của ngành quản lý, đảm bảo chất lượng, tiến độ; đặc biệt, trong năm 2022, các cấp, các ngành đã tiến hành tổng kết, sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện nhiều Nghị quyết của Trung ương Đảng giai đoạn trước và xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết của Trung ương cho giai đoạn mới. Làm tốt công tác tổ chức các cuộc làm việc của lãnh đạo Bộ, các hội nghị và các điều kiện, phương tiện phục vụ công tác chuyên môn nói chung.

Công tác kế hoạch, tài chính đi vào nề nếp, đã đảm bảo nguồn lực thực hiện nhiệm vụ của bộ, ngành và duy trì hoạt động của các đơn vị, nhất là nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội⁶⁶; công tác quản trị công sở, quản lý tài

⁶⁵ Hàng năm, số lượng người có công được hưởng chế độ điều dưỡng khoảng 600.000 người.

⁶⁶ Hoàn thành phân bổ, giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán NSNN năm 2022 đảm bảo đúng thời gian quy định cho từng địa phương, đơn vị để chủ động triển khai thực hiện ngay từ đầu năm; hướng dẫn các địa phương thực hiện dự toán kinh phí năm 2022 thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. Thực hiện công khai dự toán các nguồn vốn NSNN theo đúng quy định.

sản, trang thiết bị và phương tiện đi lại của cơ quan Bộ được tăng cường, đáp ứng yêu cầu công việc chuyên môn, điều phối hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

8. Phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy, đoàn thể trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của Bộ, ngành; nhất là tiếp tục triển khai Nghị quyết Đại hội đảng lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ khối các cơ quan trung ương và Nghị quyết Đại hội đảng bộ Bộ nhiệm kỳ 2020-2025; tổ chức đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội XIII và các nghị quyết khác của Đảng. Phối hợp chặt chẽ trong công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý các cấp.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thành tựu

Trong năm 2022, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã rất quyết liệt, nhạy bén, kịp thời trong chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH, nhờ đó cơ bản giữ vững được ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát được lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn. Nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao, hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp phục hồi và phát triển, tạo ra nhiều công ăn, việc làm; thị trường lao động phục hồi tích cực, tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi thấp hơn nhiều so với năm 2021; cơ bản các khu công nghiệp, khu chế xuất, các khu vực kinh tế trọng điểm đã duy trì được lực lượng lao động ổn định, không để xảy ra đứt gãy chuỗi cung ứng lao động; lao động đi làm việc ở nước ngoài đạt cao; tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp đạt kết quả tốt sau thời gian trở lại học trực tiếp... Cùng với đó, các chính sách an sinh xã hội được thực hiện kịp thời, đầy đủ, hiệu quả, nhất là các chính sách hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi COVID-19, chính sách ưu đãi người có công, trợ cấp đối tượng bảo trợ xã hội, giảm nghèo...; đời sống người có công với cách mạng, người nghèo không ngừng được nâng lên, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và các đối tượng yếu thế khác được chăm lo chu đáo.

Đặc biệt, là việc triển khai Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội, Bộ LĐTBXH đã chủ động, nhanh chóng, kịp thời tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động. Chính sách được ban hành mang tính nhân văn cao, hướng đến việc hỗ trợ phục hồi nền kinh tế và chia sẻ khó khăn của người lao động và doanh nghiệp, bước đầu phát huy hiệu quả, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân vào những quyết tâm, nỗ lực, cố gắng của Chính phủ. Có thể nói, tiếp nối các các chính sách an sinh xã hội chưa từng có tiền lệ để hỗ trợ người dân vượt qua khó khăn trong đại dịch trong thời gian qua như: Nghị quyết số 68/NQ-CP, Nghị quyết số 116/NQ-CP, thì việc ban hành kịp thời Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg mang một ý nghĩa hết sức quan trọng, kịp thời bổ sung và gia tăng năng lực hoạt động cho hệ thống ASXH ứng phó kịp thời và hiệu quả hơn trong đại dịch. Ngoài ra, Chính phủ còn xuất cấp gạo cứu đói cho người dân, huy động nguồn lực xã hội

hóa để hỗ trợ người dân trong dịch bệnh, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân⁶⁷.

2. Khó khăn, tồn tại và nguyên nhân

2.1. Nhìn tổng thể, thị trường lao động Việt Nam vẫn là một thị trường dư thừa lao động và phát triển không đồng đều, tỷ lệ thất nghiệp chung thấp nhưng tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên vẫn còn khá cao⁶⁸; cung lao động còn nhiều bất cập, hạn chế, chưa đáp ứng cho cầu lao động của một thị trường lao động hiện đại, linh hoạt, bền vững và hội nhập; số lượng lao động có trình độ, kỹ năng nghề cao còn nhỏ; cầu lao động của nền kinh tế cũng chưa đủ “hiện đại”, chưa có đủ việc làm bền vững để đáp ứng nhu cầu việc làm phù hợp với nguyện vọng của người lao động. Việc kết nối cung – cầu lao động còn hạn chế, vẫn đang xảy ra tình trạng mất cân đối cung - cầu cục bộ ở một số địa phương, khu vực, ngành nghề⁶⁹; tổ chức dịch vụ việc làm hoạt động chưa thống nhất, tính chuyên nghiệp chưa cao; hệ thống thông tin thị trường lao động chưa hoàn thiện, chưa thật sự có sự kết nối về thông tin trên phạm vi giữa các ngành, vùng, trên cả nước; cơ sở dữ liệu về thị trường lao động chưa được cập nhật thường xuyên, có độ trễ lớn.

2.2. Chất lượng việc làm thấp, lao động tự làm, lao động gia đình không hưởng lương với đặc trưng là việc làm không bền vững và dễ bị tổn thương, vẫn là nhóm lao động lớn của của nền kinh tế, tỷ lệ lao động ở khu vực phi chính thức lớn⁷⁰. Một số vùng có tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực phi chính thức cao là Trung du và miền núi phía Bắc và vùng Tây Nguyên. Các ngành kinh tế có tỷ lệ lao động phi chính thức cao là: Nông, lâm nghiệp và thủy sản (91%); Xây dựng (92%), Dịch vụ lưu trú và ăn uống (84,7%), Hoạt động làm thuê trong các hộ gia đình (99,6%). Vẫn còn tình trạng chậm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, người lao động lạm dụng bảo hiểm thất nghiệp, vừa đi làm vừa hưởng trợ cấp thất nghiệp.

2.3. Chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu thị trường lao động. Trình độ và kỹ năng của lực lượng lao động mặc dù được cải thiện trong thời gian qua, song vẫn còn thấp so với yêu cầu của thị trường lao động và so với các nước trên thế giới, tiếp tục là điểm nghẽn cho phát triển việc làm chất lượng và năng suất. Tỷ lệ phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào hệ thống GDNN vẫn còn thấp; chưa tháo gỡ được khó khăn, vướng mắc trong việc dạy chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông trong các cơ sở GDNN. Công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo của một số cơ sở GDNN gặp khó khăn, nhất là tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp và tuyển

⁶⁷ Theo Báo cáo của Tổng cục Thống kê, thu nhập bình quân đầu người năm 2022 ước đạt 4,6 triệu đồng/người/tháng, tăng 9,5% so với năm 2021.

⁶⁸ Theo Báo cáo của Tổng cục Thống kê, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) năm 2022 ước tính là 7,72%, trong đó khu vực thành thị là 9,7%; khu vực nông thôn là 6,68%.

⁶⁹ Riêng trong quý I năm 2022 có xảy ra sự thiếu hụt lao động cục bộ khoảng 120.000 lao động (gần 10% so với nhu cầu tuyển dụng), cao hơn những năm trước khoảng 2-3%, chủ yếu thiếu hụt lao động phổ thông ở ngành dệt may, lắp ráp linh kiện điện tử, chế biến gỗ và một số ngành bị tác động mạnh, phải dừng hoạt động dài như du lịch, giáo dục..

⁷⁰ Theo Báo cáo của Tổng cục Thống kê, tính chung năm 2022, tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức ngoài hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản ước tính là 54,9%, trong đó khu vực thành thị năm 2022 là 46,5% và trong khu vực nông thôn là 61,9% (năm 2021 tương ứng là 56,2%; 48%; 63,3%).

sinh đối với các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Việc sáp nhập cơ sở GDNN ở một số địa phương mang tính hành chính, cơ học, chưa có nguyên tắc, tiêu chí sáp nhập cụ thể; chưa có cơ chế bảo đảm hiệu quả hoạt động của các cơ sở GDNN sau sáp xếp. Nguồn lực hỗ trợ đầu tư các cơ sở GDNN chất lượng cao, ngành nghề trọng điểm còn hạn chế. Công tác xã hội hoá, phối hợp giữa cơ sở GDNN và doanh nghiệp còn hạn chế.

2.4. Phần lớn hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu sinh kế, việc làm, thu nhập thấp, không ổn định; thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản như nhà ở, vệ sinh, thông tin; thiếu kỹ năng nghề nghiệp, chất lượng nguồn nhân lực thấp, khó tiếp cận việc làm; triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 ở một số địa phương còn chậm. Mức trợ cấp xã hội tuy đã được nâng lên nhưng vẫn còn thấp so với mức sống tối thiểu của người dân. Đại dịch COVID-19, biến đổi khí hậu, xu thế đô thị hoá, già hóa dân số, chênh lệch về thu nhập và mức sống, tình trạng di cư lao động đặt ra những thách thức rất lớn đối với công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững.

2.5. Vẫn còn xảy ra những vụ việc bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, gây bức xúc trong dư luận xã hội⁷¹; còn nhiều trẻ em bị tai nạn, thương tích, nhất là đuối nước⁷². Khoảng cách giới vốn đã tồn tại trong hầu hết các lĩnh vực và càng bộc lộ rõ nét hơn trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19. Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em có xu hướng gia tăng.

2.6. Tệ nạn xã hội diễn ra dưới các hình thức tinh vi, phức tạp; số người nghiện ma túy ngoài cộng đồng tăng, tiềm ẩn nguy cơ gây rối, mất trật tự xã hội. Mạng lưới cơ sở cai nghiện ma túy ở nhiều nơi quá tải, xuống cấp, thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác cai nghiện ma túy; công tác cai nghiện tại gia đình và cộng đồng gặp nhiều khó khăn; đội ngũ viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy thiếu, năng lực chuyên môn còn hạn chế. Tệ nạn mại dâm diễn ra dưới nhiều hình thức tinh vi, tình hình tội phạm mua bán người diễn biến phức tạp và hoạt động tinh vi, số người bị mua bán tiếp tục gia tăng, gây bức xúc trong dư luận xã hội.

c) Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Những tồn tại, hạn chế nêu trên có cả những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Bên cạnh ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch COVID-19, có thể kể đến các nguyên nhân chủ quan như: Năng lực của bộ máy quản lý nhà nước ở một số địa phương còn hạn chế, chưa thực sự chủ động trong tham mưu, đề xuất thực hiện các nhiệm vụ của ngành trên địa bàn; chất lượng công tác dự báo, lập và tổ chức thực hiện kế hoạch ở một số đơn vị của ngành còn hạn chế. Nguồn lực nhà

⁷¹ Theo báo cáo của Bộ Công an, trong 9 tháng đầu năm 2022, toàn quốc phát hiện 1.711 vụ xâm hại trẻ em, xâm hại 1.806 trẻ em, giảm 1.5% số vụ và tăng 0.5% số trẻ em bị xâm hại so với cùng kỳ năm 2021 (trong đó xâm hại tình dục trẻ em là 1.211 trẻ em). Trẻ em bị bạo lực bởi người thân trong gia đình chiếm tỷ lệ 82,2% tăng 3,41% so với cùng kỳ năm 2021. Một số vụ việc xảy ra tại các cơ sở trông giữ trẻ em gây hậu quả rất nghiêm trọng gây phẫn nộ, bức xúc dư luận xã hội; tình hình xâm hại tình dục trẻ em mà đối tượng xâm hại là người nước ngoài (Sóc Trăng, Tp Hồ Chí Minh); thủ phạm xâm hại tình dục trẻ em cũng là trẻ em hoặc người chưa thành niên (xu hướng trẻ hóa tội phạm xâm hại tình dục trẻ em).

⁷² Trong 9 tháng đầu năm 2022, theo điểm báo có 385 trẻ em bị tử vong do đuối nước.

nước dành cho lĩnh vực an sinh xã hội tăng dần qua các năm song vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu; nguồn lực thực hiện các chương trình Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án về an sinh xã hội chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Chế độ thông tin, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ của ngành ở địa phương, đơn vị chưa đầy đủ, kịp thời nên ảnh hưởng đến việc nắm thông tin để kịp thời tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách cũng như giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh...

3. Bài học kinh nghiệm

3.1. Phải luôn quán triệt, thực hiện nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nắm chắc tình hình, nhất là những diễn biến mới, nâng cao năng lực phân tích, dự báo; không ngừng nỗ lực, kiên trì, quyết liệt, thích ứng linh hoạt và đảm bảo hiệu quả trong điều hành nhằm thực hiện mục tiêu đã đề ra, tổ chức thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội.

3.2. Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật về lao động, người có công và xã hội phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, gắn chặt với sự phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và phù hợp với thông lệ quốc tế. Chủ động nghiên cứu, đề xuất các chính sách mới theo hướng gắn kết chặt chẽ với các mục tiêu phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; coi con người là trung tâm của quá trình phát triển, đảm bảo chính sách xã hội phải được xây dựng và thực hiện hài hòa, đồng bộ với phát triển kinh tế.

3.3. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ về lý luận, năng lực chuyên môn và kiến thức thực tiễn của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để nâng tầm trong việc xây dựng, hoạch định và tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật về lao động, người có công và xã hội.

3.4. Phải luôn sâu sát, cụ thể đến từng khâu, từng công đoạn, từng địa bàn, từng đối tượng; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ đến kết quả cuối cùng. Kịp thời tháo gỡ ngay những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của ngành ở địa phương, nhất là những vướng mắc liên quan đến thể chế, cơ chế, chính sách.

3.5. Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giải thích chính sách, pháp luật. Chủ động cung cấp thông tin chính thức, đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch về các giải pháp chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước để nhân dân hiểu và chia sẻ; tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin, tham gia đối thoại làm rõ chính sách, tạo sự đồng thuận trong thực thi chính sách, pháp luật về lao động, người có công và xã hội.

3.6. Mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương phải phát huy cao độ tinh thần tự lực, tự cường, phấn đấu vươn lên; làm tốt công tác dân vận, chủ động phối hợp chặt chẽ với các ngành, các tổ chức đoàn thể ở các cấp địa phương, các doanh nghiệp nhằm phát huy cao nhất sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội.

PHẦN THỨ HAI
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM,
GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2023

I. BỐI CẢNH

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Kết quả thực hiện năm 2022 sẽ tạo động lực cho các năm tiếp theo để thực hiện thành công các mục tiêu kế hoạch 05 năm 2021-2025.

Kinh tế thế giới năm 2023 dự báo tiếp tục biến động rất phức tạp, khó lường, thậm chí khó khăn hơn năm 2022; lạm phát duy trì ở mức cao; chính sách tiền tệ thắt chặt, tăng lãi suất kéo dài kèm theo mất giá trị đồng tiền, giảm mạnh nhu cầu tiêu dùng tại nhiều quốc gia; thị trường bất động sản ở nhiều nước khó khăn hơn; khu vực doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề, thất nghiệp gia tăng dẫn đến nguy cơ bất ổn xã hội và chính trị ở một số nước... Một số nền kinh tế lớn tiếp tục suy thoái; cạnh tranh về thu hút vốn đầu tư, thị trường xuất khẩu đặc biệt từ các nước trong khu vực có thể trở nên gay gắt hơn... Nguy cơ mất thanh khoản, rủi ro, bất ổn tài chính, tiền tệ, nợ công, an ninh năng lượng, an ninh lương thực trên toàn cầu gia tăng... sẽ tác động mạnh, kéo dài, trên phạm vi lớn tới hầu hết các nền kinh tế.

Ở trong nước, kinh tế Việt Nam tiếp tục có những yếu tố thuận lợi nhất định, như: tình hình chính trị - xã hội ổn định; khối đại đoàn kết các dân tộc và niềm tin của người dân, doanh nghiệp được củng cố; quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao. Với nền tảng và quá trình phát triển tích cực thời gian qua, kinh tế nước ta dự báo sẽ tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực. Cùng với sự phục hồi của kinh tế - xã hội thì thị trường lao động cũng kỳ vọng có những chuyển động theo hướng tích cực trong năm 2023. Quy mô dân số Việt Nam năm 2023 ước đạt 100 triệu người, với cơ cấu dân số vàng khoảng 56 triệu người tham gia thị trường lao động, đây được coi là động lực cho phát triển kinh tế những năm tới. Tuy nhiên, khó khăn, thách thức từ các yếu tố bên ngoài sẽ ngày càng gia tăng; những hạn chế, bất cập, vấn đề tích tụ, tồn đọng trong nội tại nền kinh tế ngày càng bộc lộ rõ nét hơn. Sản xuất kinh doanh đối mặt với nhiều thách thức; lạm phát có thể tăng cao ngay từ những tháng đầu năm; áp lực, rủi ro đối với nền kinh tế, công tác điều hành vĩ mô ngày càng lớn, tiềm ẩn nguy cơ đến khả năng tăng trưởng của nhiều ngành, lĩnh vực. Trung Quốc mở cửa lại nền kinh tế, thực hiện các chính sách thúc đẩy tăng trưởng trong ngắn hạn, có thể gia tăng áp lực cạnh tranh đối với thu hút đầu tư nước ngoài, hàng hóa của nước ta, cả trên thị

trường nội địa và xuất khẩu. Dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, bão lũ... tiếp tục diễn biến bất thường⁷³.

Triển khai các Nghị quyết được Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 11/11/2022: Số 68/2022/QH15 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, số 69/2022/QH15 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Bộ LĐTBXH xây dựng kế hoạch năm 2023 với các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu như sau:

II. MỤC TIÊU, PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG VÀ TRỌNG TÂM ĐIỀU HÀNH

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Thúc đẩy thị trường lao động phát triển theo hướng hiện đại, đầy đủ, phù hợp với các cam kết quốc tế, vận hành linh hoạt nhằm kết nối cung - cầu lao động, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực. Tiếp tục đổi mới, chuyên biến mạnh mẽ về chất lượng của giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo nhân lực chất lượng cao. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm mọi người dân có cơ hội tham gia và thụ hưởng thành quả phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tạo môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh cho mọi trẻ em để thực hiện ngày càng tốt hơn các quyền của trẻ em. Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đẩy mạnh công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội. Kiện toàn tổ chức, bộ máy bảo đảm tinh gọn, hiệu quả. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

1.2. Chỉ tiêu cụ thể

a) Các chỉ tiêu Quốc hội giao

(1) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 68%; trong đó, tỷ có bằng/chứng chỉ khoảng 27,5%.

(2) Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi khu vực thành thị dưới 4%.

(3) Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) giảm từ 1-1,5%.

b) Các chỉ tiêu Chính phủ giao

(1) Đưa khoảng 110-120 nghìn người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

(2). Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội khoảng 39-40%.

⁷³ Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển KTXH năm 2023 của Chính phủ.

(3) Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp khoảng 31,5-32%.

c) Các chỉ tiêu quản lý ngành khác: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

2. Phương châm hành động và trọng tâm chỉ đạo điều hành

Để thực hiện và hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023, toàn ngành LĐXTBXH xác định cần quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về kế hoạch phát triển KTXH và dự toán NSNN năm 2023; quán triệt phương châm của Bộ là “Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, phát triển”, phấn đấu hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023; trong đó tập trung cho 6 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo, điều hành sau:

(1). Bám sát Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; các Nghị quyết chuyên đề, các Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị và các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, các nhiệm vụ, giải pháp về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch năm 2023. Nâng cao năng lực phân tích, dự báo, chủ động, linh hoạt, kịp thời và hiệu quả trong chỉ đạo điều hành thực hiện các nhiệm vụ của ngành.

(2) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế, hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật về lao động, người có công và xã hội đảm bảo hiệu quả, hiệu lực, góp phần hoàn thiện thể chế chung, đóng góp tích cực cho phát triển KTXH của đất nước. Tăng cường, nâng cao năng lực phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến tình hình lao động, việc làm, các vấn đề an sinh xã hội; chủ động, linh hoạt, kịp thời và hiệu quả trong chỉ đạo điều hành thực hiện các nhiệm vụ của ngành.

(3). Ổn định và phát triển thị trường lao động bảo đảm hiện đại, linh hoạt, bền vững và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, kịp thời ứng phó với các thách thức của kinh tế trong và ngoài nước; tăng cường kết nối và điều tiết cung - cầu lao động nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích tạo việc làm trong cả khu vực công và khu vực tư, kích thích người lao động tìm kiếm việc làm và chuyển đổi việc làm phù hợp với năng lực và sở trường.

(4). Tiếp tục đổi mới, tạo sự chuyên biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, gắn kết chặt chẽ với thị trường lao động; tập trung đào tạo nhân lực theo hướng ứng dụng, thực hành, thực tập, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, đặc biệt là nhu cầu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các khu vực kinh tế trọng điểm; góp phần nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư và hội nhập quốc tế.

(5). Tiếp tục hoàn thiện, phát triển hệ thống an sinh xã hội bao trùm, toàn diện, đa dạng và nâng cao khả năng tiếp cận của các nhóm đối tượng, nhất là đối tượng yếu thế và người dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt các chương trình, đề án, chính sách trợ giúp xã hội, giảm nghèo, bảo đảm các đối tượng yếu thế được trợ giúp ổn định cuộc sống, vươn lên hòa nhập cộng đồng.

(6). Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tạo sự đồng bộ, liên thông cơ sở dữ liệu giữa các đơn vị, kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia nhằm “tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới”, đáp ứng tốt hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế phát triển, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng chính sách, pháp luật

Xây dựng, hoàn thiện khung khổ pháp lý về lao động, người có công và xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và bảo đảm hội nhập, phù hợp với những tiến bộ và cam kết quốc tế, góp phần cụ thể hóa chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế đi đôi với đảm bảo tiến bộ công bằng xã hội, làm cho người dân thụ hưởng tốt nhất thành tựu của sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế. Tập trung, ưu tiên xây dựng Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi); xây dựng Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Việc làm (sửa đổi); trình Ban Chấp hành Trung ương thảo luận, ban hành Nghị quyết về chính sách xã hội, với mục tiêu xây dựng một hệ thống chính sách xã hội Việt Nam đến năm 2035, tầm nhìn 2045, đảm bảo tính toàn diện, bao trùm và tiệm cận các tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo cơ bản quyền an sinh của người dân, góp phần phát triển kinh tế, ổn định chính trị và trật tự xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Xây dựng, trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật quy định và hướng dẫn thi hành pháp luật về lao động, người có công và xã hội. Nâng cao năng lực, hiệu quả, chất lượng công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

2. Về lao động, việc làm

a) Phát triển thị trường lao động đầy đủ, hiện đại, vận hành theo đúng cơ chế kinh tế thị trường, đảm bảo đồng bộ, liên thông đa tầng, đa ngành, đa lĩnh vực, đa vùng và hội nhập quốc tế

Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật để phát triển đồng bộ các yếu tố của thị trường lao động, nâng cao hiệu quả hoạt động của các định chế trung gian của thị trường, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động. Nâng cao hiệu quả tổ chức, vận hành thị trường lao động.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 6/NQ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội; Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động giai đoạn 2021-2030, Chương trình phục hồi và phát triển thị

trường lao động; triển khai có hiệu quả các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thực hiện số hoá nhằm tăng khả năng kết nối cung - cầu lao động trên thị trường; hướng dẫn triển khai thu thập, cập nhật thông tin thị trường lao động; rà soát, đánh giá nhu cầu nhân lực theo từng ngành, lĩnh vực; tổ chức đào tạo phát triển kỹ năng lao động và cung ứng kịp thời đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, đặc biệt là nhu cầu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Hoàn thiện khung pháp lý, quản lý chất lượng, hoạt động của tổ chức dịch vụ việc làm; đầu tư phát triển hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm công lập, thiết lập cơ chế để các trung tâm dịch vụ việc làm công lập trở thành một định chế thực thụ của thị trường, tham gia vào thị trường và qua đó trở thành công cụ quản lý nhà nước đối với thị trường. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án về giải quyết việc làm trong nước; nâng cao hiệu quả cho vay Quỹ quốc gia về việc làm; chú trọng giải quyết việc làm cho thanh niên, lao động trung niên, lao động yếu thế và lao động nữ; chuyển dịch nhanh lao động có việc làm phi chính thức sang việc làm chính thức; hỗ trợ lao động di cư từ nông thôn ra thành thị, các khu công nghiệp và lao động vùng biên. Thúc đẩy tạo việc làm bền vững và sử dụng hiệu quả lực lượng lao động thông qua các chương trình, đề án, chính sách tín dụng hỗ trợ tạo việc làm, tham gia thị trường lao động, đặc biệt quan tâm đến các nhóm lao động đặc thù, lao động yếu thế.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước về lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới. Đẩy mạnh triển khai các thỏa thuận, biên bản ghi nhớ đã ký với nước tiếp nhận lao động Việt Nam; thúc đẩy đàm phán với Hàn Quốc để ký kết MOU phái cử và tiếp nhận người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS; thỏa thuận hợp tác về lao động với An-giê-ri, Cô-oét. Tăng cường các biện pháp ổn định thị trường lao động truyền thống; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Nâng cao chất lượng doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; đẩy mạnh công tác chuẩn bị nguồn, công tác đào tạo của các doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng và phát triển nguồn nhân lực, góp phần quan trọng vào việc phát triển và mở rộng thị trường. Nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài và xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về đưa lao động và chuyên gia đi làm việc ở nước ngoài

b) Phát triển giáo dục nghề nghiệp, gắn kết công tác đào tạo nghề với thị trường lao động, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và phát triển kỹ năng nghề; triển khai Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau khi được phê duyệt) nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030 theo hướng mở, linh hoạt để cụ thể hóa chủ trương của Đảng về giải pháp “Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế”; triển khai Chương trình Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; thực hiện Kế hoạch triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp. Tập trung chỉ đạo việc sắp xếp, tiếp nhận, cơ cấu lại hệ thống cơ sở GDNN từ bộ, ngành khác về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý theo kết luận số 88/KL-BCĐĐMSXTCBM ngày 24/8/2022 của Ban Chỉ đạo Đổi mới sắp xếp tổ chức, bộ máy của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; hình thành và phát triển các trung tâm quốc gia, trung tâm vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao tại 03 miền theo Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp.

Tập trung chỉ đạo công tác tuyển sinh, đẩy mạnh hướng dẫn địa phương, cơ sở phối hợp ngành giáo dục triển khai thực hiện Quyết định 552/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”. Tăng cường đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành, thực tập, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng cho thị trường lao động, góp phần nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Tổ chức đào tạo phát triển kỹ năng lao động và cung ứng kịp thời đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, đặc biệt là nhu cầu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Triển khai mô hình đào tạo, đào tạo lại trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác gắn với việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện đào tạo, đào tạo lại cho người lao động bị thất nghiệp; hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo; phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu, tài nguyên học liệu đào tạo; Xây dựng mới chuẩn đầu ra ở các ngành, nghề đặc thù, một số nghề phổ biến trình độ sơ cấp. Triển khai đào tạo thí điểm chương trình đào tạo cho các ngành, nghề đáp ứng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Phát triển đội ngũ nhà giáo, người dạy nghề và cán bộ quản lý GDNN. Xây dựng các chương trình và tổ chức bồi dưỡng chuẩn hóa, nâng cao

chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực số cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm và định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo”.

Tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho khoảng 8.000 - 15.000 lao động. Thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh các hoạt động gắn kết GDNN với thị trường lao động, việc làm bền vững; tăng cường hợp tác giữa cơ sở GDNN với doanh nghiệp trong công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo và giải quyết việc làm. Xây dựng dự báo về nhu cầu đào tạo GDNN, đặc biệt các ngành nghề khoa học - kỹ thuật - công nghệ. Thu hút đầu tư, hợp tác công tư, hợp tác quốc tế trong đào tạo chất lượng cao.

c) Thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, tiền lương, quan hệ lao động, an toàn, vệ sinh lao động, quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam

- Thực hiện các giải pháp đột phá nhằm phát triển đối tượng tham gia BHXH; đẩy mạnh công tác thông tin truyền truyền chính sách BHXH, BHTN nhằm triển khai Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 21/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Đổi mới toàn diện, nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền BHXH. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BHXH; giám sát về tình hình thực hiện chính sách BHXH, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp ở các địa phương; phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam để xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tăng cường công tác; ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hoá quy trình, thủ tục thực hiện BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; hình thành cơ sở dữ liệu về thu, chi, quản lý đối tượng tham gia và hưởng bảo hiểm thất nghiệp ở Trung ương, tiến tới điện tử hóa quá trình thu, chi bảo hiểm thất nghiệp theo chủ trương hạn chế sử dụng tiền mặt trong thanh toán của Chính phủ. Thực hiện chi trả BHTN kịp thời, đúng đối tượng; đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật về BHTN, đào tạo, nâng cao trình độ cho nhân sự thực hiện chính sách BHTN.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, hướng dẫn trong lĩnh vực quan hệ lao động, tiền lương đáp ứng yêu cầu của cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế; tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực quan hệ lao động; tiếp tục hỗ trợ các địa phương sắp xếp, củng cố, nâng cao năng lực của đội ngũ hòa giải viên lao động, kiện toàn Hội đồng trọng tài lao động; thúc đẩy các hoạt động đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng ký kết thỏa ước lao động tập thể, tạo nền tảng để xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; cập nhật tình hình tranh chấp lao động, đình công và chủ động đề xuất các biện pháp phòng ngừa và giải quyết các vụ việc phát sinh, góp phần giữ vững ổn định an ninh, trật tự xã hội và môi trường kinh doanh. Triển khai hoạt động của Hội đồng Tiền lương quốc gia, Ủy ban Quan hệ lao động. Tăng cường công tác theo dõi, giám sát thực hiện pháp luật lao động, tiền lương và quan hệ lao động tại một số doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động tại một số tỉnh, thành phố trọng điểm; Nghiên cứu cơ chế tiền lương đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công

tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 60/2022/NĐ-CP ngày 21/6/2022 của Chính phủ; đánh giá tình hình thực hiện pháp luật lao động trong khu vực kinh tế tập thể và đánh giá tình hình thực hiện quy định pháp luật về hoạt động cho thuê lại lao động tại một số địa phương.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động (AT, VSLĐ), nhất là chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi để đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực AT, VSLĐ đáp ứng yêu cầu của thời kỳ phát triển mới của đất nước; Nâng cao năng lực quản lý AT, VSLĐ cho người làm công tác quản lý AT, VSLĐ, đặc biệt là ở cấp xã, huyện. Đào tạo giảng viên nguồn AT, VSLĐ; thực hiện kiểm định, kiểm tra chất lượng cho các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ đang hoạt động ở những vùng xa xôi, hẻo lánh; hỗ trợ đối với các nhóm lao động tự do, khu vực các doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua các hoạt động huấn luyện, tư vấn, đào tạo AT, VSLĐ. Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn Việt Nam về AT, VSLĐ nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế về khoa học kỹ thuật, góp phần tiếp nhận các tiến bộ và chuẩn mực khoa học công nghệ tiên tiến nhưng phải phù hợp với điều kiện thực tiễn của quốc gia nhằm đảm bảo sản xuất trong nước phát triển, tăng cường xuất khẩu; Tiếp tục duy trì, thúc đẩy các hoạt động thông tin, tuyên truyền, huấn luyện AT, VSLĐ. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tập trung ở các khu vực có nhiều nguy cơ tai nạn và các tổ chức huấn luyện, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động. Hiện đại hóa công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu để thực hiện tốt công tác quản lý AT, VSLĐ.

- Tiếp tục triển khai Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. Hướng dẫn, tập huấn các quy định của pháp luật liên quan đến lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Nâng cấp và kết nối phần mềm dịch vụ công cấp giấy phép lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam qua cổng thông tin điện tử. Kiểm tra tình hình thực hiện các quy định tuyển và quản lý lao động nước ngoài tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức qua các hoạt động.

3. Về thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường công tác chăm sóc người có công với cách mạng, Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. Trình Chính phủ Nghị định điều chỉnh mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, trục lợi chính sách, bảo đảm người có công với cách mạng được xem xét công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi. Đẩy mạnh thực hiện chi trả không dùng tiền mặt các chế độ an sinh xã hội qua dịch vụ bưu chính công ích (bao gồm lương hưu, các khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công...). Triển khai quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau khi

được phê duyệt). Tổ chức các hoạt động tri ân, thăm hỏi, tặng quà người có công và thân nhân nhân dịp Tết nguyên đán và ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7 trọng thể, trang nghiêm, với các hình thức phù hợp.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật về người có công. Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng và các văn bản hướng dẫn; rà soát, xác định những vướng mắc, bất cập, chồng chéo trong quá trình triển khai các văn bản để kịp thời sửa đổi, bổ sung, phù hợp với tình hình thực tiễn. Phối hợp với các Bộ, ngành địa phương triển khai có hiệu quả Đề án xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về người có công.

Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, điều dưỡng người có công với cách mạng; thực hiện hiệu quả các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, người có công” nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng; tăng cường vận động, hỗ trợ, tôn tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sĩ.

4. Các lĩnh vực xã hội

a) Về giảm nghèo bền vững

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách giảm nghèo theo hướng hỗ trợ có điều kiện, từng bước xóa bỏ chính sách "cho không", phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng. Hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình hiệu quả, đúng quy định. Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin), nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các địa bàn nghèo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn. Chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là ở các vùng khó khăn; đa dạng hóa sinh kế, phát triển sản xuất, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, thu nhập tốt cho người nghèo, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững.

Chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ngành và địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn. Theo Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản có liên quan, dự kiến ngân sách trung ương bố trí thực hiện năm 2023 cho

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 là 11.402,066 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển là 5.400,066 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 6.002 tỷ đồng) chưa bao gồm 1.700 tỷ đồng vốn sự nghiệp thực hiện nội dung “cải thiện dinh dưỡng” và “hỗ trợ nhà ở” cho người nghèo.

Tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách giảm nghèo hiện hành như chính sách tín dụng ưu đãi, chính sách dạy nghề, hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, chính sách hỗ trợ y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, hỗ trợ tiền điện, chính sách trợ giúp pháp lý. Đồng thời đẩy nhanh tiến độ rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách giảm nghèo theo hướng tích hợp chính sách thuộc các lĩnh vực khác nhau để không bị chồng chéo, trùng lặp, bảo đảm sự đồng bộ, hiệu quả, gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; đổi mới cách tiếp cận về giảm nghèo, ban hành chính sách hỗ trợ có điều kiện, tăng cường tín dụng chính sách xã hội cho người nghèo, bảo trợ xã hội đối với hộ nghèo không có khả năng lao động. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình sản xuất có sự tham gia của các hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi. Đối với hộ nghèo không còn khả năng lao động: Hướng dẫn các địa phương thực hiện các biện pháp hỗ trợ các hộ nghèo này từ nguồn ngân sách địa phương và nguồn huy động xã hội hóa.

Tăng cường hiệu quả công tác truyền thông để huy động tối đa nguồn lực cho giảm nghèo, khơi dậy ý chí vươn lên chủ động thoát nghèo của người nghèo. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp về nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác giảm nghèo về quy trình, công cụ, phần mềm rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; các văn bản hướng dẫn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kết quả triển khai thực hiện Chương trình.

b) Về bảo trợ xã hội

Thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế. Tổ chức nghiên cứu, đánh giá kết quả thực hiện Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật; xây dựng Nghị định Công tác xã hội. Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các chương trình, đề án, chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế; triển khai quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau khi được phê duyệt). Đẩy mạnh thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội bằng phương thức điện tử. Tăng cường công tác tuyên truyền, tổ chức thực hiện tốt các chính sách, pháp luật về người cao tuổi, người khuyết tật; phối hợp, triển khai thực hiện mục tiêu 100% người cao tuổi

được cấp thẻ bảo hiểm y tế; xây dựng và thực hiện các mô hình câu lạc bộ liên thế hệ giúp đỡ nhau và các mô hình trợ giúp người khuyết tật. Nghiên cứu, đánh giá về cơ chế chính sách phát triển công tác xã hội, sức khỏe tâm thần trong các lĩnh vực bảo trợ xã hội, cai nghiện ma túy, trại giam, trường giáo dưỡng, tư pháp và lĩnh vực khác có liên quan, mô hình cơ sở trợ giúp xã hội chăm sóc, giáo dục và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí tại các trung tâm, bệnh viện thuộc Bộ, mô hình hỗ trợ sinh kế, dạy nghề, việc làm cho nạn nhân bom mìn và gia đình nạn nhân bom mìn.

Thực hiện tốt công tác chỉ đạo phòng, chống lụt bão, khắc phục hậu quả thiên tai, nắm chắc tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra; tổng hợp tình hình tác động COVID-19 đến đời sống người dân; chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt trợ giúp đột xuất, bảo đảm ổn định đời sống nhân dân khi có thiên tai xảy ra; tiếp tục bám sát tình hình thiếu đói, chỉ đạo các địa phương chủ động rà soát, tổng hợp tình hình thiếu đói để có các giải pháp hỗ trợ kịp thời; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện trợ giúp đột xuất ở địa phương. Đảm bảo 100% người dân gặp khó khăn do hậu quả của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, hỏa hoạn, tai nạn giao thông, tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác gây ra được hỗ trợ các điều kiện sống tối thiểu về lương thực, thực phẩm, nhà ở, đất ở, công cụ sản xuất, dạy nghề, giới thiệu việc làm. Đào tạo, tăng cường năng lực ứng phó với những rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, hỏa hoạn, tai nạn giao thông, tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác gây ra cho lực lượng cán bộ làm công tác trợ giúp xã hội và cho cả người dân để người dân có đủ năng lực ứng phó với rủi ro, giảm thiểu thiệt hại, tạo cơ hội cho họ hoà nhập cộng đồng, góp phần đảm bảo ổn định và công bằng xã hội.

Tăng cường đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên, công tác viên của ngành về kỹ năng công tác xã hội. Huy động mọi nguồn lực xã hội, phát triển các hình thức trợ giúp dựa vào cộng đồng để tạo điều kiện, cơ hội cho các đối tượng yếu thế vượt qua hoàn cảnh, vươn lên hòa nhập cộng đồng. Tăng cường phối hợp liên ngành, giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, phối hợp giữa các Bộ, ngành, đoàn thể, địa phương theo quy chế làm việc Ủy ban Quốc gia trong việc giải quyết những vấn đề liên quan về cơ chế, chính sách để thực hiện công tác người cao tuổi, người khuyết tật.

c) Về công tác trẻ em

Tạo môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện, bảo đảm thực hiện ngày càng tốt hơn quyền của trẻ em. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bảo đảm quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em; phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương xây dựng, trình Bộ Chính trị/Ban Bí thư ban hành Chỉ thị của Đảng về tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng về bảo đảm thực hiện quyền trẻ em trong tình hình mới; Nghiên cứu, đề xuất giải pháp, mô hình hỗ trợ trẻ em di cư cùng cha mẹ đến các khu công nghiệp, các khu trọ ở các thành phố. Xây dựng và triển khai các quy chế phối hợp

liên ngành về bảo vệ trẻ em, thực hiện quy trình, kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trường hợp trẻ em bị xâm hại, có nguy cơ bị xâm hại.

Thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em, phòng chống tai nạn, thương tích trẻ em và các chính sách khác có liên quan đến trẻ em, đặc biệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030; hợp phần trẻ em trong Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Đề án chăm sóc, hỗ trợ trẻ em bị ảnh hưởng COVID-19, tăng cường chăm sóc sức khỏe tâm thần cho trẻ em.

Đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền, vận động nhân dân và toàn xã hội xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện cho trẻ em; truyền thông, giáo dục chính sách, pháp luật về thực hiện quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em, phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em và bảo đảm thực hiện quyền tham gia của trẻ em,...; chú trọng truyền thông trực tiếp nhằm bảo đảm thông tin tuyên truyền, đặc biệt là các dịch vụ bảo vệ trẻ em, Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (111) và các địa chỉ tiếp nhận, giải quyết vụ việc vi phạm quyền trẻ em đến từng đối tượng, gia đình, cộng đồng dân cư. Xác định rõ trách nhiệm của các ngành, các cấp, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác bảo vệ trẻ em, hỗ trợ, can thiệp trường hợp trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, trẻ em bị tai nạn, thương tích, đặc biệt là trẻ em bị đuối nước và tai nạn giao thông.

Tiếp tục củng cố và phát triển hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em bảo đảm hỗ trợ, can thiệp trẻ em có nguy cơ cao bị xâm hại hoặc bị xâm hại, hướng dẫn thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành về thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp trường hợp trẻ em bị xâm hại, có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và khung giá về dịch vụ công về bảo vệ trẻ em. Triển khai các giải pháp, mô hình, dịch vụ hỗ trợ, can thiệp về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, trọng tâm là các đối tượng trẻ em bị ảnh hưởng bởi COVID-19, việc chăm sóc sức khỏe tâm thần cho trẻ em. Nâng cấp hệ thống Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số với các phần mềm tự động trả lời các nội dung đơn giản, tích hợp số liệu về trường hợp trẻ em có nguy cơ và bị xâm hại để quản lý, theo dõi quá trình hỗ trợ, can thiệp; mở rộng các kênh tiếp nhận thông tin/thông báo/tổ giác theo hình thức online; triển khai mô hình hỗ trợ trực tiếp cho trẻ em trong tình huống khẩn cấp do bị xâm hại tình dục, bạo lực nghiêm trọng. Huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia vào các hoạt động trợ giúp, chăm sóc, bảo vệ trẻ em.

c) Về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách về bình đẳng giới. Triển khai có hiệu quả Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030; Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025, Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030, Chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và

quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030” và các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Phối hợp triển khai việc đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ nữ, xây dựng chính sách và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng quy hoạch cán bộ nữ; phối hợp triển khai thí điểm các mô hình vườn ươm lãnh đạo trẻ cho cán bộ, công chức viên chức để tạo nguồn cho cán bộ nữ; xây dựng mạng lưới, cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý và tổ chức các hoạt động kết nối nhằm chia sẻ kinh nghiệm và nâng cao năng lực lãnh đạo quản lý của cán bộ nữ; truyền thông, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, vai trò, vị trí, tiềm năng của phụ nữ trong thời kỳ mới; tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách. Xây dựng các mô hình hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, mô hình vườn ươm doanh nhân nữ nhằm hỗ trợ phụ nữ kinh doanh, tự chủ tài chính; phát triển mô hình chuỗi giá trị sản phẩm do nữ làm chủ; mô hình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới tại thôn, bản, tổ dân phố.

Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho lao động nữ về bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, phòng, chống quấy rối tình dục ở nơi làm việc. Tăng cường năng lực bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới các cấp; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới; nghiên cứu xây dựng và triển khai chỉ số xếp hạng bình đẳng giới của các tỉnh, thành phố.

Hỗ trợ nâng cao năng lực cho các cơ sở cung cấp dịch vụ phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; hỗ trợ hoạt động Tổng đài điện thoại quốc gia hỗ trợ phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Tăng cường cung cấp thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách và kết quả thực hiện công tác bình đẳng giới. Tổ chức triển khai hiệu quả Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới. Kiểm tra, giám sát, đánh giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

đ) Về phòng, chống tệ nạn xã hội

Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật, chương trình, đề án về cai nghiện ma túy, phòng, chống mại dâm, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống ma túy, mại dâm, mua bán người. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực người làm công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy, hỗ trợ người bán dâm và nạn nhân bị mua bán.

Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác công tác phòng ngừa nghiện ma túy, cai nghiện ma túy và hỗ trợ người nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng; chỉ đạo các địa phương tích cực triển khai các hoạt động thực hiện cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các

quy định của pháp luật về công tác cai nghiện phục hồi và quản lý sau cai nghiện. Đánh giá đề xuất các phương án đảm bảo nguồn lực cho việc triển khai Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 116/2021/NĐ-CP. Xây dựng tài liệu về dự phòng nghiện ma túy, cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy, công tác xã hội trong cai nghiện ma túy... Khảo sát, nghiên cứu xây dựng các mô hình về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy (Mô hình tư vấn, chuyển gửi với sự tham gia của Tòa án; các mô hình phòng ngừa ma túy tại trường học, nơi làm việc, gia đình, cộng đồng; mô hình dạy nghề đặc thù cho người nghiện...). Thí điểm các mô hình về dự phòng nghiện ma túy, cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy. Tổ chức tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ công chức, viên chức và người lao động ở cơ sở về dự phòng, điều trị, cai nghiện ma túy. Xây dựng kế hoạch và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý người nghiện ma túy, người cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Tăng cường quản lý địa bàn, không để tệ nạn mại dâm gây bức xúc xã hội; duy trì, nhân rộng các mô hình hiệu quả về can thiệp giảm hại, phòng, chống bạo lực, tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội của người bán dâm tại cộng đồng và các trung tâm hỗ trợ xã hội; hỗ trợ người bán dâm hoàn lương vay vốn, phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng. Thực hiện các hoạt động can thiệp giảm hại, hỗ trợ hòa nhập cộng đồng: đánh giá, tài liệu hóa các điều kiện, quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ can thiệp giảm hại, hỗ trợ xã hội; các nghiên cứu, đánh giá tác động chính sách thực hiện các can thiệp giảm hại, phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới, hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm; hỗ trợ một số địa phương trong thực hiện các mô hình thí điểm về hình thành mạng lưới cung cấp các dịch vụ hỗ trợ xã hội cho người bán dâm. Tổng kết, đánh giá kết quả 20 năm thực hiện Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm. Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch phối hợp liên hành, thực hiện lồng ghép các hoạt động phòng, chống mại dâm trong: các hoạt động truyền thông, tuyên truyền; rà soát, thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm về tệ nạn mại dâm; cung cấp các dịch vụ giảm hại, hỗ trợ xã hội đối với người bán dâm để hòa nhập cộng đồng.

Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về tái hòa nhập cộng đồng; tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ nhằm giúp nạn nhân hòa nhập cộng đồng, phòng tránh việc bị tái mua bán. Thực hiện thí điểm mô hình hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân bị mua bán tại 3 tỉnh, thành phố. Nghiên cứu, xây dựng bộ công cụ sàng lọc, phát hiện, chuyển tuyến và hỗ trợ nạn nhân; thí điểm mô hình hỗ trợ người nghi là nạn nhân bị mua bán. Nghiên cứu xây dựng tài liệu hướng dẫn quy trình xác định và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán là trẻ em, đặc biệt là trẻ em bị mua bán vì mục đích bóc lột lao động. Thực hiện công tác tiếp nhận thông tin, thông báo, tố giác về mua bán người tới Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em 111; xử lý thông tin, tư vấn, chuyển tuyến các trường hợp là hợp là nạn nhân hoặc nghi là nạn nhân bị mua bán.

5. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tăng cường thanh tra, kiểm tra; cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, đảm bảo bộ máy của Bộ, ngành tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm thực thi công vụ gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ và của các đơn vị thuộc Bộ trên cơ sở đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về lao động, người có công và xã hội phù hợp với giai đoạn phát triển mới; sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bên trong các đơn vị thuộc Bộ nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị. Đẩy mạnh đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và của công chức, viên chức. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao, có đủ năng lực quản lý, điều hành, tham mưu hoạch định chính sách và tổ chức triển khai thực hiện, đưa chính sách, pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội đi vào cuộc sống.

Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tập trung thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với các doanh nghiệp nợ đọng bảo hiểm xã hội, các cơ sở giáo dục; thanh tra việc chấp hành các quy định về an toàn, vệ sinh lao động tại các công trình xây dựng, các doanh nghiệp khai thác khoáng sản lộ thiên, sản xuất xi măng; thanh tra toàn diện việc thực hiện chính sách đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học tại các địa phương chưa thực hiện tự kiểm tra, rà soát hoặc tự kiểm tra, rà soát chưa đạt yêu cầu... Tổ chức tốt các buổi tiếp công dân định kỳ ngày 20 hàng tháng và tiếp công dân hàng ngày, đảm bảo hoạt động tiếp công dân hiệu quả, chu đáo, thực chất, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu theo Quy định số 11-QĐ/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân; chủ động đối thoại, tháo gỡ triệt để khiếu kiện, bức xúc của nhân dân; xử lý đơn thư nhanh chóng, đúng quy định, không để xảy ra tình trạng tồn đọng đơn thư. Triển khai hiệu quả quy định của pháp luật phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2026; đẩy nhanh xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ của Bộ, ngành. Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu quốc gia khác. Thí điểm xây dựng nền tảng số cho hợp đồng lao động điện tử. Cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4;

nâng cao chất lượng các dịch vụ công; tiếp tục nghiên cứu, cắt giảm thực chất thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, danh mục sản phẩm hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế

Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trong lĩnh vực lao động và xã hội phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và bối cảnh quốc tế mới. Tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế trên các kênh song phương, đa phương và phi chính phủ nước ngoài nhằm huy động nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách về lao động, người có công và xã hội. Đảm bảo công tác thông tin đối ngoại đầy đủ, kịp thời và hiệu quả về các vấn đề được dư luận xã hội quan tâm. Đẩy mạnh hoạt động đối thoại về cơ chế, chính sách trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội gắn liền với cuộc sống thực tiễn của người dân và hoạt động của doanh nghiệp, từ đó tranh thủ được sự ủng hộ của các đối tác phát triển nói riêng và cộng đồng quốc tế nói chung.

7. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền

Thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại về cơ chế, chính sách trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp. Chú trọng tuyên truyền, cổ vũ những gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến, vượt khó vươn lên, có tác động lan tỏa tích cực trong cộng đồng trong thực hiện công tác an sinh xã hội.

8. Tăng cường công tác phối hợp liên ngành trong xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của ngành

Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp và các địa phương nhằm phát huy cao nhất sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc tổ chức thực hiện và hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, tạo đà cho các năm tiếp theo./.

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI